



N. GÔGÔN

BỨC CHÂN DUNG

TẬP TRUYỆN PÊTECUBA

VĂN HỌC

BỨC CHÂN DUNG

Nikolai Gogol

(Портрет, 1835, Nga)

Dịch giả: Phạm Thuỷ Ba, Văn Hoàng

Nhà Xuất Bản: Nxb Văn học 1971

Text: Ebolic

Epub (02/2019): @lamtam, tve-4u.org

Phần I

Không có nơi nào đông người đứng lại xem như trước gian hàng bán tranh trong khu chợ lợp Shchukin. Đúng thế, ở đây tập hợp hết sức linh tinh đủ các thứ lạ mắt, phần lớn là những bức tranh dầu, phủ một lớp trắng bóng màu lục thẫm, trong những chiếc khung hào nhoáng màu vàng đậm. Mùa đông với những cây trắng xóa, cảnh mặt trời lặn đỏ ối trong như ánh lửa rực lên từ một đám cháy, một bác nông dân xứ Flandre, mồm ngậm tẩu, cánh tay cong vẹo, trông giống một con gà tây mặc áo hơn là một con người – đề tài của những bức tranh ấy thường là như vậy, thêm vào đấy là mấy bức tranh khắc gỗ: Chân dung Khozrev-Mirza^[1] đội mũ lông cừu, chân dung mấy vị tướng đội mũ ba sừng, cái mũi cong lệch.

Ngoài ra, cánh cửa loại gian hàng này thường lấp kín sau những tập tranh dân gian rộng khổ, in thứ tranh ảnh thể hiện cái thiên tư của người dân Nga. Một bức vẽ nàng công chúa Miliktrisa Kirbitievna; một bức vẽ thành Jerusalem, màu đỏ tràn lên mấy ngôi nhà và nhà thờ, quét đỏ ngẫu cả một khoảng đất, và hai người mu gích^[2] Nga đang cầu nguyện, tay đeo bao. Người mua những bức tranh này thường chẳng có mấy nhưng người xem thì đông vô kể. Trong đám này thế nào cũng có một gã hầu phòng nát rượu đứng xem, mồm há hốc, tay cầm thức ăn vừa mua ở hiệu về cho chủ: chủ nó chắc chắn sẽ không phải bồng mồm vì món xúp. Lại thế nào cũng có một anh lính, nhân vật chính của các chợ tầm tầm, tay cầm vền vền chỉ có hai con dao nhíp để chào khách, hoặc giả một chị bán hàng rong bưng một hộp đầy ních những giày. Mỗi người thường thức tranh một cách riêng; mấy bác mu gích giơ tay chỉ trỏ, mấy anh lính xem xét tận nơi, vẽ nghiêm trang; mấy thằng bé đi ở, mấy chú học nghề cười đùa chỉ trỏ cho nhau xem những bức biếm họa để rồi trêu nhau; những bác hầu phòng có tuổi khoác áo dạ thô thì chỉ cốt đứng lại để ngáp; còn những cô bán hàng rong, đúng kiểu các bà mẹ nhà quê Nga, do bản năng cũng chạy đến để nghe thiên hạ bàn tán và xem người ta đang làm gì.

Đúng lúc ấy, Chartkov, một họa sĩ trẻ tuổi, đi ngang qua trước gian hàng, bất giác cũng dừng lại. Nhìn chiếc áo khoác cũ kỹ và bộ quần áo không chút cầu kỳ ta biết anh ta thuộc hạng người sống chỉ vì công việc, không có thì giờ nghĩ đến trang phục, tuy món này vốn là thứ hấp dẫn đám thanh niên lạ thường. Anh ta lúc đầu dừng chân trước gian hàng chỉ để cười thầm những bức tranh xấu xí nọ. Nhưng rồi sau, bất giác, anh trở nên chăm chú tư lự; anh băn khoăn không hiểu những bức tranh này liệu có ai cần đến. Ừ, người dân Nga ưa chuộng những bức thư *Yeruslan Lazarevich*, *Ngón khỏe* và *Nốc khỏe*, *Foma* và *Yerema* điều đó anh chẳng lấy làm lạ; những đề tài ấy rất đơn giản và dễ hiểu, nhưng còn những mớ tranh tời quét sơn dầu, màu sặc sỡ và bản thiêu kia thì ai mua? Ai là người cần đến bức chân dung bác nông dân xứ Flandre, đến những bức tranh sơn thủy xanh đỏ kia, những bức tranh mặc dù được vẽ với nhiều tham vọng nhưng chỉ càng làm cho nghệ thuật thêm hổ nhục mà thôi. Đây hẳn không phải là những công trình của một đứa trẻ tự học vẽ lấy. Vì nếu thế thì dù toàn bộ có vẽ méo mó và cứng nhắc đi chăng nữa bức tranh vẫn có sinh khí. Còn ở đây, chỉ thấy một trí óc đần độn, một sự bất tài già cỗi và bất lực, tự tiện tôn mình lên hàng nghệ thuật, lý ra chỉ xứng đáng với những nghề nghiệp hết sức thấp kém, một thứ bất tài tuy nhiên vẫn còn trung thành với thiên hướng nghề nghiệp và đã đem được những phương pháp riêng của mình vào nghệ thuật. Đâu đâu cũng lại thấy những màu nước thuốc ấy, cũng vẫn cái cách làm ấy, một thủ thuật đã thành thói quen của một con người máy thô sơ chứ không phải của một con người thật... Chartkov đứng hồi lâu trước những bức tranh bản thiêu ấy, đầu óc đã không còn nghĩ đến chúng nữa. Trong khi đó, lão chủ hiệu, người nhỏ bé loắt choắt mặc áo dạ thô, bộ râu cạo từ Chủ nhật tuần trước, nãy giờ vẫn lải nhải nói với anh vừa mặc cả vừa định giá, tuy chưa hề biết anh thích bức tranh nào và muốn mua bức nào. “Mấy chú mu gích kia, bức sơn thủy này, tôi xin hăm năm rúp. Bức tranh thật tuyệt tác! Nhìn vỡ mắt ra vẫn chưa chán, vỡ thật chứ không ngoa đâu! Mới đem ở phòng tầm tầm về đây; nước tráng bóng hầy còn ướt. Hay là ông lấy bức tranh mùa đông này! Mười lăm rúp! Riêng cái khung thôi cũng đã khối tiền. Ông cứ thử xem bức mùa đông này!” Nói đoạn, lão lái buôn búng nhẹ vào bức

tranh một cái, ý chừng để khoe nó với khách. “Thưa ông có phải buộc cả hai bức lại rồi cho mang theo ông về nhà không ạ? Nhà ông ở đâu ạ? Ê, thằng nhỏ, đem dây ra đây.” – “Khoan đã, ông bạn! Làm gì mà vội thế!” Thấy lão lái buôn nhanh nhẩu chưa chi đã bắt đầu gói mấy bức tranh, anh họa sĩ sực tỉnh, vội gạt đi. Nghĩ mình đứng trong cửa hàng đã lâu mà chẳng mua gì, anh hơi ngượng, nên nói: “Ông hãy khoan một chút, để tôi xem ở chỗ này có bức nào mua được không.” Nói đoạn, anh cúi xuống lục lọi trong đám những bức tranh cũ kỹ chất đống dưới đất, đều đã bạc phếch, bụi bặm, rõ ràng là những thứ bị coi rẻ. Ở đây, có những bức chân dung tổ tiên gia đình đã cũ lắm, con cháu những người vẽ trong tranh có lẽ ngày nay không tìm đâu thấy, có những bức, vải đã bị thủng rách, không thể đoán được là vẽ cái gì, có những cái khung đã tróc hết nước thếp vàng – nói tóm lại, đây là một mớ đủ các thứ bỏ đi. Nhưng anh họa sĩ cứ lục xem kỹ lưỡng, bụng nghĩ thầm: “Biết đâu lại chẳng vớ được một cái gì hay hay.” Đã nhiều lần anh được nghe người ta kể lại là trong những cửa hàng bán tranh này, đôi khi có thể vớ được những tác phẩm của các bậc danh họa vớt lặn lóc trong đống bụi. Khi thấy khách hàng chú ý đầu vào mớ tranh bỏ đi, lão chủ hiệu đang xun xoe rồi rít bỗng lạnh nhạt hẳn; lão lấy lại vẻ trịnh trọng thường lệ và ra đứng ở cửa như cũ, tay trở vào trong hiệu, miệng mời khách qua đường vào xem.

“Mời ông vào đây xem tranh! Mời các ông ghé vào đây! Tranh mới đưa ở phòng bán tầm tầm về!” Rao mãi đã chán, vả lại phần lớn là vô hiệu, lão quay sang tán gẫu với lão bán quần áo nữ cũng đang đứng ở cửa hiệu, trước mặt, rồi đến khi tán đã đủ, lão sực nhớ đến ông khách trong gian hàng, bèn quay vào.

— Thế nào ông khách, ông đã chọn được bức nào chưa?

Nhưng họa sĩ đã từ lâu đứng yên không nhúc nhích trước một bức chân dung lồng trong một chiếc khung to; chiếc khung trước kia chắc hẳn lỏng lẻo, nhưng giờ đây chỉ còn lại những vết thếp vàng nham nhở. Đó là chân dung một ông già nước da nâu sạm, khuôn mặt hốc hác, đôi gò má cao gồ; nét mặt như được chớp lấy ngay lúc ông già đang nhăn nhó, toát ra một sức

mạnh không có chút gì là của “người phương Bắc”, một gương mặt khắc sâu những nét cháy bỏng ánh nắng miền Nam. Ông già khoác bộ y phục châu Á, rộng thùng thình. Mặc dầu bức chân dung đã bị hư hỏng và phủ đầy bụi, nhưng khi lau sạch lớp bụi trên mặt nhân vật, Chartkov nhận ngay ra công trình của một nghệ sỹ lỗi lạc. Bức chân dung như chưa được vẽ xong, thế mà đã có một sức mạnh phi thường. Lạ lùng hơn cả là đôi mắt; hình như họa sỹ đã vận dụng tất cả sức mạnh của ngòi bút và trút hết tâm lực của mình vào đấy. Đúng là hai con mắt ấy *nhìn*, nó *nhìn* ngay từ bên trong bức chân dung *nhìn* ra; sức sống kỳ dị của cặp mắt phá tan cả sự hài hòa của bức tranh. Khi Chartkov đưa bức chân dung ra gần cửa, cái nhìn của đôi mắt lại càng mãnh liệt hơn nữa. Nhìn đôi mắt ấy, đám đông người xem đều cảm thấy một ấn tượng tương tự. Một người đàn bà vừa dừng chân sau lưng Chartkov, kêu lên: “Ô kìa, đôi mắt nó nhìn tôi kìa, nó nhìn tôi kìa!” và bà ta bất giác lùi lại. Chartkov cảm thấy trong người khó chịu lạ lùng, anh đặt bức tranh xuống đất.

— Đây, ông lấy bức tranh này đi! – lão chủ hiệu bảo Chartkov.

— Thế bao nhiêu? – họa sỹ hỏi giả.

— Thôi, tính đắt ông làm gì, ông trả cho bảy hào rưỡi.

— Thế thì tôi chịu.

— Thế ông trả bao nhiêu?

— Hai hào – họa sỹ nói xong, chực đi.

— Ai lại trả rẻ quá thế. Hai hào thì riêng cái khung thôi cũng không được. À, chắc ông định đến mai mới lại mua chứ gì! Thôi ông ơi, ông lại đây! Ông trả cho thêm một hào. Thôi, thôi, ông cầm lấy, thì hai hào vậy. Bán mở hàng cho ông hôm nay, ông là người khách hàng đầu tiên đấy. – Nói đoạn, lão chủ khoát tay một cái như muốn nói: “Coi như mất không bức tranh!”

Thế là Chartkov đã mua một bức chân dung cũ một cách thật bất ngờ; anh nghĩ bụng: “Mình đi rước cái của này về làm gì?” – Nhưng thôi, cứ phải là trả tiền. Anh móc túi lấy đồng hào đôi đưa cho lão chủ, cặp tranh

vào vách mang đi. Dọc đường, anh nhớ ra đồng hào đôi nọ là số tiền cuối cùng của anh. Anh thấy buồn, rồi dần dần thấy tức mình, thấy lòng trống trải và đứng đưng.

“Mẹ cha cái kiếp sống khốn nạn này!” – anh nói với cái khí tiết của một người Nga khi làm ăn gặp vận đen.

Và anh tiếp tục rảo cẳng bước, gần như cái máy, lòng hoàn toàn đứng đưng với mọi sự. Ánh đỏ rực của tà dương còn tỏa khắp lưng trời; những ngôi nhà hướng về phía tây hã còn tắm trong ánh sáng ấm nóng ấy; nhưng ánh trắng lạnh lẽo, màu xanh lơ đã đỏ dần lên. Bóng các ngôi nhà, bóng chân khách qua đường đổ dài trên mặt đất như những chiếc đuôi áo phụ nữ, gần như trong suốt, nhẹ thênh thênh. Họa sĩ đã bắt đầu ngược mắt lên ngắm nền trời đang sáng lên trong một thứ sáng mỏng manh, trong suốt, hư ảo. Chartkov thốt lên: “Màu sắc mới nhẹ nhàng làm sao!” và hầu như cùng một lúc, anh lại lẩm bẩm: “Bực thật, mẹ kiếp!” Xốc lại bức tranh cứ chực tuột ra khỏi vách, anh rảo bước.

Về đến nhà, ở phố Thứ Mười Lăm trên đảo Vasilievsky, người anh mỗi dù, mồ hôi nhễ nhại. Anh khó nhọc leo cái cầu thang nhầy nhựa nước rửa bát lẫn những cút chó, cút mèo, miệng thở hổn hển. Anh gõ cửa, nhưng chẳng ai thưa: thằng nhỏ lại đi đâu vắng. Anh đứng tựa lưng vào cửa sổ, định chịu khó đợi, thì đằng sau có tiếng chân của một chú bé vận sơ mi xanh: đây, thằng nhỏ, người mẫu, người nghiên thuốc vẽ của anh, người lau sàn nhà anh để rồi ngay sau đó lại dẫm đôi ủng vấy bẩn lên. Chú bé tên là Nikita, thường chủ vừa đi khỏi nhà là chú ra ngay phố chơi. Trong dãy hành lang tối om, Nikita hí hoáy mãi hồi lâu mới mở được cửa, Chartkov bước vào phòng ngoài, gian phòng lạnh lẽo kinh khủng: nhà các họa sĩ thường vẫn như thế, song họ cũng chẳng bao giờ để ý thấy. Không để cho Nikita cởi áo khoác, Chartkov cứ thế bước vào phòng vẽ, một căn phòng vuông vức và khá rộng, nhưng trần thấp lè tè, cửa kính đóng sương băng, trong phòng bề bộn đủ các thứ đồ nghề cũ rích linh tinh: những đoạn cánh tay bằng thạch cao gãy, những khung gỗ căng vải, những bức phác họa mới bắt đầu vẽ đã bỏ dở, những màn, vải vắt đầy trên ghế. Mệt lử, Chartkov cởi

áo khoác ngoài, lơ đãng luồn bức chân dung vừa mua về vào giữa hai bức tranh khác, đoạn gieo mình xuống chiếc đi văng hẹp, giờ đây không thể gọi là đi văng bọc da được nữa, dây đinh đồng trước kia đóng giữ lấy mặt da, nay đã long cả, mặt da ở trên không còn dính vào đinh, thành thử Nikita vẫn nhét vào dưới đáy nào bút tất, nào sơ mi, và tất cả các thứ quần áo bẩn. Anh nằm duỗi người, trong chùng mực có thể duỗi được trên chiếc đi văng nhỏ hẹp ấy, và cuối cùng gọi Nikita bảo thấp nển.

— Thưa cậu, không có nển ạ – Nikita đáp.

— Sao vậy?

— Vì hôm qua cũng đã không có.

Chartkov nhớ ra rằng quả nhiên hôm qua cũng đã không có nển thấp nển anh hết nóng và ngồi im lặng. Anh để chú bé cởi chiếc áo ngoài cho và mặc chiếc áo ngủ đã sờn mực.

— Thưa cậu, lúc này có ông chủ nhà đến đây – Nikita nói.

— Thì sao? Đến đòi tiền nhà chứ gì? Tao biết rồi – họa sĩ khoát tay đáp lại.

— Nhưng ông ta đến với một người nữa kia ạ!

— Ai thế?

— Con không biết... Hình như một ông cảnh sát nào ấy.

— Cảnh sát, cảnh sát đến làm gì?

— Con không biết, ông ấy bảo đến về việc chưa trả tiền nhà.

— Thế rồi thì sao?

— Con không biết rồi sẽ ra sao; ông ta bảo: nếu không nghe thì cứ việc xéo đi nơi khác; họ định ngày mai sẽ cùng cả hai người trở lại.

— Cho họ trở lại – Chartkov nói với giọng dửng dưng, buồn buồn. Tâm trạng anh lúc này cực kỳ chán ngán.

Chartkov là một họa sĩ trẻ tuổi có tài và đầy hứa hẹn: có những lúc, thoáng qua, nét bút của anh chứng tỏ một khiếu quan sát nhạy bén, một cái nhìn sắc sảo, một mối hăm hở nhanh chóng vươn đến gần thiên nhiên. Giáo

sư dạy anh đã nhiều lần nói: “Anh coi chừng, anh bạn; anh có tài, nhưng nếu anh làm hỏng nó đi thì thật là tai hại. Anh thiếu kiên nhẫn. Hễ có cái hấp dẫn anh, hễ anh thích cái gì, là anh chỉ biết có lao vào nó, ngoài ra không thiết nhìn đến một cái gì khác; những lúc ấy, tất cả đối với anh chỉ là cát bụi, không có gì đáng kể. Phải coi chừng, không có anh sẽ trở thành một họa sĩ chạy theo thời thượng đấy. Có thể nói ngay từ bây giờ màu sắc anh dùng đã quá sặc sỡ đến xác lợc. Nét họa của anh thiếu chặt chẽ, đôi khi rất non kém, đường nét không rõ; anh đã bắt đầu chạy theo lối chơi ánh sáng thời thượng, tìm cách gây ấn tượng rẻ tiền; hãy cẩn thận không có anh sẽ rơi vào lối vẽ của trường phái Anh đấy. Coi chừng! Cuộc sống phồn hoa đã hấp dẫn anh, đã có lúc anh quần chiếc khăn quàng đẹp, đội chiếc mũ bảnh bao. Dễ bị cám dỗ lắm đấy, người ta có thể hạ mình xuống để vẽ những bức tranh nho nhỏ theo thời thượng, những bức chân dung nho nhỏ đắt tiền. Nhưng tất cả những thứ đó chỉ làm hư hỏng tài năng đi thôi chứ không sao giúp nó phát triển được. Anh phải kiên nhẫn. Phải suy nghĩ trước mỗi tác phẩm, bỏ những cái lờ loẹt đi. Mặc cho kẻ khác kiếm nhiều tiền. Cái gì là của anh, của riêng anh, anh sẽ không bao giờ mất.

Lời giáo sư nói cũng có phần đúng. Quả nhiên họa sĩ của chúng ta đôi khi cũng có ý muốn số lòng một chuyển, phô trương một chút, tóm lại, thỉnh thoảng nhớ lại là mình vẫn còn trẻ. Tuy thế đến nay anh vẫn thường tự chủ được. Đôi khi cầm cây bút vẽ trong tay, anh có thể quên hết, chỉ mài miệt với công việc và khi phải bỏ bút xuống, anh cảm thấy như phải bỏ dở một giấc mộng đẹp. Phong cách của anh phát triển rõ trông thấy. Tuy chưa hiểu hết được cái sâu xa của Raphael, nhưng anh đã say mê với nét bút linh hoạt và phóng khoáng của Guido, đã dừng lại trước những bức chân dung của Titian, đã hân hoan thán phục những nhà danh họa xứ Flandre. Tuy còn chưa thấy được đầy đủ cái ánh sáng rạng rỡ ở hình ảnh đã mờ của những bức họa cổ, nhưng anh cũng đã đoán thấy được ít nhiều một cái gì trong những kiệt tác đó, mặc dầu trong thâm tâm, anh vẫn chưa đồng ý với giáo sư về điểm coi các bậc danh họa thời xưa là tuyệt đỉnh, không tài nào vươn lên sánh kịp được nữa; thậm chí, anh còn cho rằng ở một số khía cạnh nào

đó thế kỷ thứ mười chín còn trội hơn họ là đẳng khác, bây giờ việc mô phỏng thiên nhiên sinh động hơn, tự do hơn; tóm lại, ý nghĩ của anh cũng là ý nghĩ chung của lớp thanh niên bắt đầu thấu hiểu được ít nhiều, có ý thức và lấy làm tự hào về điều đó.

Đôi lúc anh thấy bức mình vì thấy một họa sĩ nước ngoài, Pháp hay Đức gì đấy, thậm chí lắm khi cũng chẳng phải là một họa sĩ tài ba gì mà chỉ bằng một thủ thật nào đó, một nét bút hoạt bát và những màu sắc sặc sỡ, đã làm cho dư luận xôn xao, và trong khoảnh khắc đã vơ được một món tiền lớn. Điều đó, Chartkov nghĩ đến không phải vào những lúc anh mãi làm việc đến quên ăn, quên uống, quên cả cái thế giới bên ngoài, mà vào những lúc túng bấn, không có tiền mua bút vẽ, mua thuốc màu, những lúc lão chủ nhà, dai như đĩa, một ngày hàng chục lần đến nằng nặc đòi tiền nhà. Những lúc ấy, trong trí tưởng tượng đói khát của Chartkov lại hiện ra cuộc sống đáng thèm thuồng của một họa sĩ giàu có; những lúc đó, trong óc anh thoáng qua cái ý nghĩ vẫn thường thấy nảy ra trong óc bất cứ người Nga nào là bỏ mặc hết, lao vào chơi bời để chìm sâu nỗi buồn phiền, bức tức, bất chấp cả thiên hạ. Chính giờ đây, tâm trạng anh là như vậy.

— Ừ! Hãy kiên nhẫn! Hãy kiên nhẫn! – anh làu bàu vẽ bức bội – kiên nhẫn cũng có giới hạn của nó. Hãy kiên nhẫn! Thế nhưng ngày mai ta lấy tiền đâu ra mà ăn. Có ai cho ta vay đâu. Đem tranh đi bán ư? Tất cả chỗ này chưa chắc đã bán được nổi hai hào. Thế mà những bức này đều có ích cho mình; mình biết lắm: bắt tay vào vẽ mỗi bức là ta có nhằm một mục đích rõ rệt, mỗi bức đều dạy cho ta thêm một cái gì. Nhưng như thế để làm gì? Toàn là nghiên cứu, vẽ thử, rồi cứ nghiên cứu, vẽ thử mãi suốt đời sao? Và lại rồi ai sẽ mua những thứ ấy vì tên tuổi của ta có ma nào biết và có ai cần đến những bức vẽ phỏng theo những tượng cổ Hy Lạp, hay theo mẫu người thật, hay bức *Ái tình của Psyche* vẽ dở dang này, hay bức vẽ căn phòng của ta, hay bức chân dung thẳng Nikita, mặc dầu những bức này thực ra còn hơn hẳn những bức vẽ của bất cứ một gã họa sĩ thời thượng nào khác. Thật đấy, để làm gì? Việc gì ta phải khổ sở, phải nhai lại mãi những điều sơ đẳng

nhất như một anh học trò mới tập sự, trong khi ta có thể nổi tiếng không kém gì biết bao nhiêu kẻ khác và cũng kiếm được nhiều tiền như bọn họ?

Nhưng vừa nói xong câu đó, họa sĩ bỗng tái mặt đi và run lập cập: từ sau một bức tranh, một khuôn mặt nhó co quắp đang nhìn anh chăm chặp. Cặp mắt khủng khiếp xói thẳng vào anh như chực nuốt chửng lấy anh, đôi môi như ra lệnh cho anh phải nín lặng. Hoảng hốt anh đã toan kêu to lên gọi Nikita, lúc bấy giờ đã ngáy như sấm ở phòng ngoài, nhưng rồi anh sực nhớ ra, bật cười. Nỗi sợ hãi phút chốc biến đi hết. Đây chỉ là bức chân dung anh vừa mua mang về và đã quên khuấy đi. Ánh trăng chiếu vào phòng, soi sáng bức tranh và làm cho nó sinh động lên một cách lạ kỳ. Anh cầm bức tranh lên xem kỹ và lau chùi nó. Anh lấy cục bọt biển nhúng nước, lau qua mấy lượt, gần sạch hết lớp bụi và bẩn, đoạn đem treo bức tranh lên tường ở trước mặt và nhờ đó thấy được rõ hơn cái giá trị phi thường của bức họa: cả khuôn mặt lúc này gần như khuôn mặt người sống, đôi mắt cứ nhìn anh trừng trừng, khiến cho Chartkov phải rùng mình lùi lại, trong lòng kinh ngạc, lẩm bẫm tự nhủ: “Chà! Nó nhìn, nó nhìn bằng đôi mắt của người thật!”

Và Chartkov chợt nhớ đến một câu chuyện mà đã lâu lắm anh có lần được nghe thầy anh kể lại, về một bức chân dung do họa sĩ Leonardo da Vinci vẽ một bức tranh nhà danh họa đã tốn công mấy năm trời để vẽ mà vẫn coi là chưa vẽ xong, nhưng theo lời Vasari thì đây là một trong những tác phẩm mà mọi người đều cho là tuyệt mỹ và công phu nhất. Phần hoàn chỉnh hơn cả trong bức chân dung là đôi mắt đâu đã khiến cho người đương thời phải kinh ngạc: ngay cả những tia máu li ti nhất họa sĩ cũng ghi nhận được và thể hiện trên bức tranh. Nhưng bức chân dung ở trước mặt anh giờ đây có một cái gì khác hẳn, một cái gì quái dị. Đây không phải là nghệ thuật: thậm chí nó còn phá tan sự hài hòa của bức tranh. Đây là một cặp mắt sinh động, một cặp mắt của người thật. Tưởng chừng như nó được khoét từ đôi hốc mắt của một người sống rồi đem gắn vào đây. Ở đây, người nhìn không có cái hoan hỉ thuần khiết có thể cảm thấy được khi đứng

trước một tác phẩm nghệ thuật, dù cho nội dung biểu hiện có đáng ghét chẳng nữa; còn cái cảm giác ở đây là một cái gì hiểm độc, ghê sợ.

“Làm sao thế này? – Họa sĩ bất giác tự hỏi. – Nhưng đây chỉ là một bức tranh vẽ theo mẫu, một bức tranh bình thường sinh động mà thôi; vì đâu lại có cái cảm giác khó chịu lạ lùng ấy? Phải chăng việc bắt chước tự nhiên một cách nô lệ, không sáng tạo, bản thân nó đã là một việc làm xấu xa, giống như một tiếng thét lạc điệu, chối tai? Phải chăng biểu hiện đề tài một cách dửng dưng, thiếu cảm xúc như không hợp điệu với nó, thì nhất định nó sẽ hiện lên trần trụi trong tất cả cái thực trạng khủng khiếp của nó; và muốn tránh điều ấy, cần phải có ánh sáng của một tư tưởng. Cái ánh sáng ấy dù cho là không nắm lấy được, nhưng vẫn tràn đầy trên tác phẩm; phải chăng thiếu cái ánh sáng ấy thì đề tài sẽ hiện ra trong cái thực trạng phũ phàng, khác nào khi muốn hiểu một con người dũng cảm mà lại dùng con dao phẫu thuật mổ xẻ con người ấy ra, và chỉ thấy trước mắt mình một vật ti tiện. Tại sao một cách thiên nhiên đơn giản, tầm thường, mà đôi khi được một họa sĩ này thể hiện thấy như tắm trong ánh sáng, và tại sao cái cảm giác người ta thể nghiệm khi đứng trước nó không có gì là thấp hèn? Mà ngược hẳn lại, người ta cảm thấy như hoan hỉ, hầu như nhờ bức họa mà mọi vật xung quanh dịu hẳn đi, tất cả trở nên yên tĩnh, có trật tự. Và tại sao vẫn cảnh thiên nhiên ấy mà dưới bút vẽ của một họa sĩ khác lại hóa ra ti tiện bẩn thỉu, tuy họa sĩ đó cũng trung thành với nguyên mẫu? Cái thiếu trong bức họa sau là một cái gì có sức tỏa ánh sáng. Khi người ta ngắm một phong cảnh thiên nhiên cũng vậy; cảnh đó có thể đẹp dễ lọt lầy, nhưng nó vẫn thiếu một cái gì nếu trên nền trời thiếu vầng thái dương.”

Chartkov lại gần bức chân dung để xem kỹ đôi mắt dị thường ấy, anh kinh hãi nhận thấy đúng là chúng như đang nhìn thẳng vào mắt mình. Đây không phải là một bức sao chép tự nhiên nữa, mà là cái nét sống kỳ quái có thể có ở khuôn mặt một xác chết từ trong mộ bước ra. Phải chăng vì ánh trăng đã mang theo cái mê sảng của chiêm bao làm biến dạng mọi vật trái hẳn với ánh sáng ban ngày hay vì một nguyên nhân nào khác? Chỉ biết là họa sĩ thốt nhiên thấy sợ phải ở một mình trong phòng. Anh rón rén lù ra

xa bức chân dung, cố gắng quay mặt đi không nhìn vào nó nữa, nhưng mắt anh vẫn bất giác cứ liếc về phía nó. Cuối cùng, anh sợ không dám cả đi đi lại lại nữa: cảm thấy như có ai đang đi phía sau lưng, nên cứ luôn luôn ngoái cổ nhìn lại. Xưa nay anh vốn không phải người nhát gan, nhưng anh giàu tưởng tượng và hệ thần kinh anh rất nhạy cảm, tối hôm ấy anh thấy sợ quá, không sao tự trấn tĩnh được. Anh ngồi thu mình trong một xó nhà, nhưng liền cảm thấy như có ai sắp ghé qua vai, nhìn thẳng vào mặt mình. Ngay tiếng chú Nikita ngáy như sấm ở phòng ngoài cũng không khiến được anh đỡ sợ hãi. Cuối cùng, anh đứng dậy, rụt rè đi ra giường ở sau tấm bình phong, nằm xuống. Qua những khe hở, trên tấm bình phong anh có thể trông thấy căn phòng sáng rõ ánh trăng và bức chân dung treo trên tường trước mặt. Đôi mắt trong bức tranh lại nhìn anh chòng chọc, khủng khiếp hơn, và hình như ngoài anh ra, nó không còn muốn nhìn cái gì khác. Bồn chồn, cuối cùng, anh nhất quyết đứng dậy, cầm một tấm dạ lại trùm kín lên bức tranh. Sau đó, anh lại nằm xuống giường, vững dạ hơn một chút, và bắt đầu suy nghĩ về cảnh nghèo và cuộc sống thảm hại của người nghệ sĩ, về con đường đầy gai góc trước mặt mà anh sắp phải đi; trong khi đó, cặp mắt anh bất giác vẫn cứ nhìn qua khe hở tấm bình phong, rình bức chân dung. Dưới ánh trăng, tấm dạ nom càng trắng toát ra, anh tưởng chừng như đôi mắt khủng khiếp nọ nhìn xuyên qua cả lần vải. Kinh hãi, anh mở to mắt tin chắc rằng tất cả những cái đó đều phi lý! Nhưng, cuối cùng, đúng đây là sự thực. Anh trông thấy, trông thấy rất rõ: tấm dạ đã biến đâu mất. Bức chân dung trên vách không có gì che kín và đôi mắt vượt qua mọi vật ở xung quanh nhìn thẳng vào anh, anh cảm thấy nó thực sự thọc vào tận người anh... Anh bủn rủn cả người. Anh trông thấy lão già trong tranh của mình, rồi bỗng nhiên, hai tay lão tì vào tấm khung. Một lát sau, lão nhóm người lên, thò cả hai chân và nhảy ra ngoài khung... Qua khe hở trên tấm bình phong chỉ còn thấy tấm khung rỗng. Có tiếng chân người đi trong phòng, tiếng chân bước lại gần tấm bình phong. Trống ngực anh họa sĩ đáng thương mỗi lúc một đập mạnh. Anh kinh hãi nín thở, đợi lão già đến dòm qua phía sau tấm bình phong. Quả nhiên lão đến thật, với gương mặt màu nâu sạm, với đôi mắt hiểm độc. Chartkov định kêu lên nhưng không sao

kêu thành tiếng, anh cố cựa quậy nhưng chân tay như tê liệt. Mồm há hốc, thở không ra hơi, anh nằm yên nhìn cái bóng ma cao to vận bộ y phục Á đông rộng thùng thình, và bản khoản không hiểu nó sẽ làm gì. Lão già ngồi xuống gần sát ngay bên chân anh và rút từ những nếp áo rộng ra một vật gì: một cái túi. Lão cởi dây buộc, cầm hai đầu túi, rũ mạnh, có những cuộn dài và nặng lịch kịch rơi xuống sàn, cuộn nào cũng gói giấy xanh và trên có ghi: “1000 rúp”. Lão già thò hai cánh tay dài xương xẩu ra khỏi đôi tay áo rộng, bắt đầu mở các gói giấy. Vàng lóe sáng lấp lánh. Tuy gần chết khiếp vì sợ vì lo, Chartkov vẫn như bị đóng vàng thôi miên, anh cứ nằm yên không động đậy, nhìn đồng tiền trên đôi tay xương xẩu của lão già ánh lên sáng quắc, chạm vào nhau kêu leng keng, khe khẽ, âm ỉm, rồi được gói lại như cũ. Vừa lúc đó, anh chợt thấy một gói tiền lăn đến sát tận cạnh đầu giường anh nằm. Anh cuống quýt chộp lấy và sợ hãi nhìn sang phía lão già: lão có trông thấy anh nhặt tiền không? Nhưng hình như lão ta mãi bận quá, lão thu gói tiền lại, bỏ tất cả vào túi. Đoạn lão đứng dậy đi sang phía bên kia bình phong, không hề đưa mắt nhìn anh. Chartkov thấy tim đập mạnh khi nghe tiếng chân bước lệt sệt đi xa dần. Anh ghì thật chặt gói tiền vàng trong tay, người run lấy bầy, chỉ sợ người ta đòi lại mất, chợt nghe thấy có tiếng chân đi trở lại gần phía bình phong – chắc lão già nhớ ra là còn thiếu một gói. Và đây, lão lại thò cổ ngó ra phía sau tấm bình phong. Liều chết, Chartkov lấy hết sức ghì thật chặt gói tiền vàng trong tay, cố sức cựa quậy, kêu lên một tiếng và sức tỉnh dậy. Người anh ướt vã mồ hôi lạnh; trống ngực đập thình thình, ngực tức thở, tưởng chừng như muốn chết mất.

“Phải chăng đây chỉ là một giấc mộng?” – anh lẩm bẩm, hai tay ôm đầu; nhưng lão già vừa rồi hiện ra một cách khủng khiếp, không giống như trong một giấc mộng chút nào. Đã tỉnh rồi, anh mới thấy lão già vén một vạt chiếc áo rộng thùng thình bước vào trong cái khung tranh, và nơi bàn tay anh vẫn còn cái cảm giác vừa cầm một cái gì nặng nặng. Ánh trăng rọi vào căn phòng, soi rõ trong những góc tối nhất, lúc là một bức tranh, lúc một bàn tay thạch cao, một mảnh vải vắt trên chiếc ghế dựa, một cái quần và một đôi ủng lấm bùn. Đến lúc bấy giờ, Chartkov mới nhận ra không phải

mình đang nằm trên giường mà là đang đứng trước bức chân dung. Làm sao anh lại đến đứng ở đây, anh cũng không hiểu. Nhưng điều khiến anh kinh ngạc nhất, là không thấy tấm dạ phủ bức chân dung đâu. Anh sững sờ kinh hãi, nhìn bức tranh và thấy đôi mắt như sống, đôi mắt của người thật, đang nhìn anh chăm chăm. Mặt anh toát mồ hôi lạnh; anh muốn bỏ đi nơi khác, nhưng hai chân anh như cắm chặt xuống đất. Và kia, anh trông thấy, mà đây không phải là mơ ngủ: những nét mặt của lão già bắt đầu nhúc nhích, đôi môi lão chìa ra phía ngoài như muốn hút lấy anh... Anh hét rú lên một tiếng hãi hùng, nhảy lùi lại một bước và tỉnh dậy. “Lẽ nào vừa rồi cũng chỉ là một giấc mơ?” Tim đập như muốn vỡ tung ra, anh giơ tay sờ soạng quanh mình: đúng, anh vẫn nằm trên giường hẫng hoi, y nguyên như khi anh ngủ thiếp đi. Trước mặt anh là tấm bình phong. Ánh trăng tràn ngập căn phòng. Qua khe hở trên bình phong, anh trông thấy bức chân dung vẫn y nguyên lấp dưới tấm dạ như lúc anh phủ lên nó. Thì ra vừa rồi cũng là nằm mê! Nhưng bàn tay anh vẫn nắm chặt lại, giờ đây vẫn có cảm giác như vừa cầm một vật gì. Tim anh đập mạnh quá đến phát hoảng lên; trên ngực có cái gì đè nặng không sao chịu được. Qua khe hở trên tấm bình phong, anh nhìn chăm chặp tấm dạ và kia, anh thấy rõ ràng tấm dạ hé mở như thể ở bên trong có những bàn tay đang cựa quậy tìm cách gạt nó đi. “Lạy Chúa, tất cả những cái này là thế nào?”. Chartkov kêu lên – tay làm dấu thánh lia lia và sức tỉnh. Đây, anh cũng lại vừa nằm mê! Anh vùng đứng dậy, gần như điên, cuống cuồng không hiểu những việc vừa xảy ra là thế nào: một cơn ác mộng chẳng, phép ma chẳng, hay do ốm đau nên mê sảng? Và để máu trong huyết quản bớt dồn đập, anh lại chỗ cửa mở chiếc cửa sổ con. Một làn gió lạnh thơm thơm khiến anh tỉnh táo lại. Ánh trăng vẫn còn chan hòa trên các mái nhà, trên những bức tường quét vôi trắng xóa, nhưng những đám mây nhỏ bay nhanh trên nền trời lúc này đã nhiều hơn. Mọi vật đều yên tĩnh; từ xa xa, thỉnh thoảng vọng lại tiếng bánh xe lọc cọc trên đường lát đá, hẳn là tiếng của một chiếc xe chở thuê đợi khách về khuya, đâu đó trong một phố hẻm, bác đánh xe đang ngủ gà ngủ gật, đầu lắc lư theo nhịp bước của con ngựa gầy lười nhác. Chartkov cứ đứng thò đầu ra ngoài trời như vậy hồi lâu. Trên nền trời đã chớm thấy những ánh hồng đầu

tiên của buổi bình minh; cuối cùng buồn ngủ, anh đóng cửa sổ lại, trở về giường, nằm duỗi dài ra và chỉ lát sau, đã ngủ thiếp đi như chết.

Sáng hôm sau, anh dậy rất muộn; trong người thấy khó chịu quá, cái khó chịu của một người nằm bên chiếc bếp lò hít phải nhiều hơi than, đầu nhức như búa bổ. Trong phòng ánh sáng mờ mờ, không khí ẩm thấp rất khó chịu lùa vào phòng, qua các khe hở trên những cánh cửa sổ có treo đầy những tranh, những khung đã căng vải. Ừ dột, bực bội, như con gà phải mưa, Chartkov ngồi trên chiếc đi văng thủng rách, chẳng biết làm gì, cuối cùng, anh lại nghĩ đến giấc mơ hôm qua. Nhớ lại dần dần giấc chiêm bao anh càng thấy nó thực một cách khó chịu quá, đến nỗi anh nghĩ bụng không biết đây có thật chỉ là một giấc mơ, chỉ là một cơn mê sảng hay còn ẩn giấu một cái gì khác, một câu chuyện ma quỷ gì. Anh gỡ tấm dạ phủ bức tranh ra, nhìn kỹ bức chân dung khủng khiếp nọ dưới ánh sáng ban ngày. Cặp mắt quả sinh động lạ thường, nhưng anh chẳng thấy nó có gì đáng khiếp sợ; tuy nhiên, nhìn nó anh vẫn có một cảm giác rất kỳ dị, khó chịu. Anh không cảm thấy hoàn toàn chắc chắn rằng những việc xảy ra đêm qua lại chỉ là một giấc mộng. Hình như trong giấc mộng đó, hẳn cũng có một ít sự thực khủng khiếp. Hình như ngay trong cái nhìn và nét mặt của lão già cũng có một cái gì chứng tỏ rằng đêm qua lão đã ở bên cạnh anh; tay anh còn cảm giác như đã cầm một vật gì nặng nặng, mà vừa mới đây thôi có ai giằng lấy đi. Tưởng chừng như giá lúc ấy anh nắm chặt hơn, thì khi tỉnh dậy gói tiền sẽ còn nằm trong tay anh.

“... Trời ơi, ước gì ta chỉ có lấy một phần số tiền ấy, chỉ một phần thôi!” – vừa nghĩ bụng, anh vừa thở dài, và lại hình dung đến những gói tiền vàng từ trong cái túi của lão già đổi ra với mấy chữ đầy cảm dỗ: “1000 rúp”. Giấy gói mở tung, những đồng tiền vàng sáng lóe lên rồi lại lấp đi dưới giấy gói, và anh họa sĩ ngồi thừ ra đấy, mắt đờ đẫn nhìn vào khoảng không, không sao xua đuổi cái hình ảnh ấy đi được, như đứa trẻ ngồi trước một đĩa bánh ngọt, nuốt nước dãi nhìn người khác ăn. Cuối cùng, mấy tiếng gõ cửa lôi anh về với thực tế một cách khó chịu. Đó là lão chủ nhà và viên cảnh sát khu phố, những con người, như ai nấy đều biết, mỗi khi xuất hiện, còn

khiến cho đám “tiện dân” thấy khó chịu hơn là những nhà giàu khi trông thấy có ai đến cầu cạnh, xin xỏ mình. Lão chủ ngôi nhà nhỏ Chartkov đang thuê ở cũng giống như tất cả những lão chủ nhà khác ở đâu đó nơi phố Mười Lăm trên đảo Vasilievsky, hoặc ở khu Peterburgskoy Storone, hay ở trong một xóm xa xôi khu ngoại ô Kolomna, một loại người rất sẵn có trên đất nước Nga, và tính cách của họ cũng khó xác định như màu sắc một chiếc áo ngoài đã sờn cũ. Hồi trẻ, lão đã đóng lon đại úy; một cái loa to mồm đã từng tìm được việc làm ở tòa án; một bậc thầy trong nghệ thuật dùng roi vọt; nhưng về già, tất cả những đặc tính của lão hòa lẫn lại với nhau thành một thứ hỗn hợp lờ mờ, mơ hồ. Lão đã góa vợ, đã về hưu, không còn nghĩ đến ăn diện, khoác lác, làm ra vẻ thông thạo lấu cá nữa, và tất cả những cái sở thích lão còn lại là vừa uống trà vừa tán gẫu; lão đi đi lại lại trong phòng, gạt tàn bác đèn, cuối mỗi tháng đến thăm đều đặn khách thuê nhà để thu tiền; tay cầm chìa khóa ra đứng ngoài phố, ngắm nghía mái nhà mình; mấy lần liền lôi người gác cổng ra khỏi cái xóm hẻo lánh ta thường vẫn rúc vào ngủ – tóm lại, một lão công chức về hưu, một người mà sau một cuộc đời bê tha, chìm nổi, nay chỉ còn giữ lại những thói quen tầm thường.

— Đây, ông xem, ông Varukh Kuzmich – lão chủ nhà giơ cả hai tay lên trời, phân bua với viên cảnh sát.

— Hẳn ta không chịu trả tiền nhà, cứ nhất định ỳ ra, không chịu trả.

— Tôi không có tiền thì ông bảo tôi trả bằng gì? Ông thư thư cho, tôi sẽ trả sau.

— Tôi không thể thư thư được nữa, ông ạ! – lão chủ nhà sừng sộ đáp, huơ huơ chùm chìa khóa cầm trong tay – Khách thuê nhà của tôi là ông trung tá Potogonkin, ông ấy ở đây đã bảy năm rồi; bà Anna Petrovna Bukhmisterova thuê cả một cái nhà kho và một cái chuồng ngựa nhất được hai con, bà ta có ba người đầy tớ, đây khách thuê nhà của tôi như thế chứ. Nói thật cho nhà anh biết, tôi không quen để ai quỵt tiền nhà của tôi. Xin anh làm ơn trả ngay tiền nhà cho tôi, rồi mời anh dọn đi nơi khác!

— Anh đã ký hợp đồng cam đoan trả tiền nhà thì bây giờ trả đi chứ – viên cảnh sát bảo Chartkov, đầu khe khẽ gật gù, một ngón tay ấn vào giữa

hai chiếc khuy áo ngoài.

— Nhưng ông bảo tôi lấy gì mà trả bây giờ? Vấn đề là ở chỗ đó. Hiện lúc này, tôi không có lấy một xu.

— Nếu thế anh có thể đem những tác phẩm của anh gán trả nợ cho ông chủ đây – viên cảnh sát nói – có thể ông ta sẽ thuận để anh gán tranh trả nợ.

— Không, ông ạ, xin cảm ơn ông, tôi chịu thôi, tôi không lấy tranh làm gì. Giá là những bức tranh có nội dung cao quý và có thể đem treo lên tường được; một vị tướng có đeo sao, hay chân dung công tước Kutuzov chẳng hạn thì còn được, đằng này, đây ông xem, lại đi vẽ một thằng mu gích, mặc áo nhà quê, cái thằng ở vẫn nghiên thuốc vẽ cho anh ta ấy mà. Lại vẽ chân dung cái thằng con chó ấy. Tôi thì tôi sẽ đánh bể sọ nó ra, nó nhổ hết đinh cửa nhà tôi, cái thằng ăn cắp! Đây, ông xem những đề tài anh ta vẽ: kia là căn phòng của anh ta. Giá vẽ nó gọn gàng sạch sẽ thì còn khác, đằng này lại vẽ nó với đủ các thứ rác rưởi bẩn thỉu, đồ đạc ngổn ngang thế kia. Ông thử nhìn xem anh ta bày ra ở căn phòng này như thế nào. Trong khi những vị khách khác của tôi, người ta ở bảy năm, những vị trung tá, những bà phu nhân như Anna Petrovna... Không, tôi xin nói với ông điều này là không có thứ khách thuê nhà nào tệ hơn như một thằng họa sĩ: đúng là những đồ chó chết; lạy trời đừng bắt chúng tôi phải chữa!

Anh họa sĩ đáng thương đành phải nhẫn nhục ngồi nghe. Trong khi đó, viên cảnh sát xem, ngắm các bức tranh, các bản phác họa, và lập tức tỏ ra có một tâm hồn hơn lão chủ nhà, thậm chí ở hẳn ta còn có chút ít khả năng rung cảm nghệ thuật nữa.

— Hừ! – hẳn giơ ngón tay chỉ vào một bức tranh đàn bà khỏa thân – bức thư này... hơi nhảm đấy. Thế còn cái gã này, sao dưới mũi lại có cái gì đen đen, thuốc lá dính vào hay sao thế?

— Cái bóng – Chartkov sáng giọng đáp lại, mắt không nhìn viên cảnh sát.

— Giá đặt ở chỗ khác thì hơn, ngay dưới mũi thì rõ quá. Thế còn đây là ai? – Viên cảnh sát vừa nói tiếp vừa bước lại gần bức chân dung lão già –

Trông sợ quá nhỉ! Dễ sợ quá đi mất! Nhưng mà, ô kìa, lão ấy nhìn mình, kia! Chao ôi, ma quỷ ở đâu đấy! Anh lấy ai làm mẫu thế?

— À, một người... – Chartkov chưa kịp nói hết câu thì bỗng nghe đánh rắc một tiếng. Có lẽ viên cảnh sát đã tỳ quá mạnh vào cái khung do đôi bàn tay cảnh sát của hắn cấu tạo thô sơ, những miếng ván mỏng ở một bên khung gãy gục, một mảnh gỗ văng ra, rơi xuống đất và một gói bọc giấy xanh rơi theo xuống sàn đánh cạch một tiếng. Một dòng chữ đập ngay vào mắt Chartkov: “1000 rúp”. Như phát rồ, anh lao người tới vồ lấy gói tiền, mắt môi mắt lợi ghì chặt nó trong bàn tay trĩu xuống vì nặng.

— Cái gì nghe như tiếng tiền rơi phải không? Viên cảnh sát nghe có tiếng vật gì rơi xuống sàn liền hỏi, nhưng hắn chưa kịp trông thấy rõ là cái gì vì Chartkov nhặt lên nhanh quá.

— Tiền rơi thì quan hệ gì đến ông?

— Nó quan hệ đến tôi ở chỗ là anh phải trả ngay tiền nhà cho ông chủ đây, ở chỗ anh có tiền mà lại không chịu trả – đấy nó quan hệ đến tôi là ở chỗ ấy!

— Thôi được, nội hôm nay tôi sẽ trả...

— Thế sao anh không chịu trả sớm, lại còn để làm phiền ông chủ đây, và cả cho sở cảnh sát nữa?

— Là vì tôi chưa muốn động đến chỗ tiền này, tối nay tôi sẽ thanh toán tất cả, rồi dọn đi ở chỗ khác. Chủ nhà như thế, có van tôi cũng không thêm ở lại!

— Thôi ông Ivan Ivanovich, anh ta sẽ trả tiền ông – viên cảnh sát quay lại nói với lão chủ nhà – Còn nếu tối nay mà chưa thanh toán xong, thì có sao cũng xin lỗi ông họa sĩ nhé!

Nói đoạn, viên cảnh sát đội mũ lên đầu và bước ra ngoài cầu thang, theo sau là lão chủ nhà, đầu cúi gằm, vẻ tư lự.

“Đội ơn Chúa! Thế là thoát được bọn này!” – Chartkov lẩm bẩm nói một mình, khi nghe tiếng cánh cửa khép lại. Anh đưa mắt nhìn quanh phòng ngoài một lượt rồi sai Nikita đi đâu đấy để được hoàn toàn có một mình ở

nhà, và sau khi khóa trái cửa lại, anh trở vào phòng làm việc, bắt đầu mở gói tiền, tim hồi hộp đập dồn dập. Mở gói ra thì thấy toàn những đồng rúp tiền vàng mới tinh, nóng bỏng như lửa. Gần như điên dại, anh ngây người trước đồng vàng không nhúc nhích. Bụng bảo dạ không biết đây có phải là chiêm bao không? Trong gói có đúng một nghìn rúp, trông giống hệt như những gói trong giấc mộng đêm qua. Anh mân mê những đồng tiền vàng, xem đi xem lại một hồi lâu mà vẫn chưa tỉnh trí lại được. Thốt nhiên anh nhớ lại các thứ chuyện về kho tàng, về những cái tráp có ngăn đáy bí mật của các ông bà để lại cho cháu chắt vì biết trước rằng đến đời những đứa này, chúng sẽ phung phí hết gia tài và có ngày lâm vào cảnh túng thiếu. Anh nghĩ bụng phải chăng đây là một ông lão đã giấu tiền vàng vào trong ruột cái khung một bức chân dung tổ tiên để của lại cho đứa cháu nội. Thả tâm trí theo một giấc mơ lãng mạn, cuối cùng, Chartkov nghĩ bụng biết đâu trong chuyện này chẳng có một mối liên hệ huyền bí với số mệnh của anh, biết đâu sự tồn tại bức tranh này chẳng gắn bó với số mệnh của anh, biết đâu sự tồn tại bức tranh này chẳng gắn bó với bản thân cuộc sống của anh và ngay trong việc anh mua bức tranh này, biết đâu chẳng có một điều tiên định. Anh tò mò xem đi xét lại cái khung. Một bên thành khung có khoét một cái rãnh bịt kín bằng một tấm ván mỏng, khéo léo quá đến nỗi không trông thấy vết gấn, giả sử không có bàn tay viên cảnh sát đề mạnh vào thì món tiền vàng nọ sẽ cứ nằm yên trong cái rãnh khung cho đến ngày tận thế. Ngắm nghía bức chân dung, một lần nữa anh thán phục cái nghệ thuật của họa sĩ, thán phục vẻ điêu luyện phi thường trong nét vẽ đôi mắt: nhìn đôi mắt bây giờ anh không thấy ghê sợ nữa, nhưng dù sao, đứng trước nó, trong lòng anh vẫn thấy một cảm giác khó chịu, không tài nào xua đi được. “Không, – anh tự nhủ, – dù người muốn là ông nội của ai đi nữa, ta cũng sẽ đem người lồng vào khung kính mạ vàng.” Anh đưa nhanh tay đặt lên đồng tiền vàng trước mặt. Tay chạm vào đồng tiền, tim anh nổi lên đập mạnh. Nhìn chăm chăm đồng tiền, anh nghĩ thầm: “Ta sẽ làm gì đây với số tiền này? Thế là bây giờ ta đã thoát cảnh túng thiếu, ít nhất là ba năm, có thể đóng cửa lại mà làm việc. Bây giờ ta đã có tiền mua thuốc vẽ, trả tiền ăn tiền nhà, tiền may mặc, sắm sửa vật vãnh, tiền thuê nhà; bây giờ không còn

ai đến cản trở, quấy rầy ta nữa, ta sẽ mua một hình mẫu thật tốt, sẽ thuê làm một bức tượng bán thân bằng thạch cao, một cái khuôn chân, ta sẽ đặt ở đây, trong phòng này, một bức tượng Vệ Nữ, sẽ mua rất nhiều những bản in lại các bức tranh kiệt tác. Và nếu ta làm việc trong ba năm, không vội vàng, không nghĩ đến việc bán tranh, ta sẽ bỏ xa tất cả và có thể trở thành một nhà danh họa.”

Đó là những điều anh nghĩ thầm khi lắng nghe tiếng nói của lý trí; nhưng đầu từ bên trong anh lại còn vang lên một tiếng nói khác, rõ rệt hơn. Và khi anh đưa mắt nhìn đồng tiền vàng một lần nữa thì cái tuổi hăm hai và cái trẻ trung sôi nổi của anh lại còn có câu chuyện khác để nói với anh. Bây giờ anh có thể có được tất cả những cái gì trước kia anh vẫn thèm muốn, những cái trước kia anh chỉ có thể đứng từ xa mà ngắm, thèm rỏ dãi. Ôi chao! Chỉ thoáng nghĩ đến đây thôi, trái tim cuồng nhiệt của anh đã đập mạnh đến chừng nào. Thẳng một bộ lễ phục hợp thời trang, chén một bữa no nê sau mấy năm trời kham khổ, thuê một căn nhà thật đẹp, đi xem kịch ngay bây giờ, đến một cửa hàng bánh kẹo, đến v.v...; vợ phắt lấy đồng tiền, anh lao ra phố.

Trước hết, anh ghé vào một hiệu may sắm đủ lệ bộ, rồi như một đứa trẻ, anh mê mải ngắm mình trong gương, – mua một lô nước hoa, dầu xức, thuê ngay, không cần mặc cả, căn nhà anh đến thăm đầu tiên, ở đại lộ Nevsky, một căn phòng lộng lẫy, tường có treo những tấm gương lớn, cửa lắp những tấm kính nguyên cả bản; vào hiệu mua bữa đi một chiếc kính cầm tay đắt tiền, lại cũng mua bữa một lô ca vát, đủ các kiểu, không biết dùng đến bao giờ cho hết; vào hiệu thuê uốn tóc, thuê xe song mã đi hai vòng, để chơi thôi, chẳng có mục đích gì hết, ghé cửa hàng bánh kẹo ăn kỳ chán chê mới thôi và vào một hiệu ăn Pháp mà trước đến nay, anh chỉ nghe nói đến, cũng mơ hồ như nghe nói chuyện bên Tàu. Vào đấy, anh vênh váo ngồi ăn, nhìn những người xung quanh với cặp mắt khá kiêu hãnh và luôn ngắm mình trong gương, vuốt đi vuốt lại mấy món tóc xoắn tít. Anh gọi uống hết một chai thứ sâm banh mà xưa nay anh chỉ nghe tiếng đồn. Men rượu bốc lên ngà ngà, anh ra phố với một tâm trạng phấn chấn, tự cao tự đại, và như

người ta thường nói coi trời bằng vung. Vênh váo, anh bước mấy bước trên vỉa hè, gặp ai cũng đưa kính tay lên mắt nhìn ngó người ta. Đến trên cầu, trông thấy ông thầy cũ, anh tăng lờ đi qua trước mặt như thế không trông thấy, thái độ hết sức hỗn xược, khiến cho giáo sư hết sức sùng sốt, đứng chờ người ra hồi lâu trên cầu, cái đầu biến thành một dấu chấm hỏi to tướng.

Ngay tối hôm ấy, tất cả những đồ đạc dụng cụ: giá vẽ, tranh vải, anh ta đều cho dọn sang căn nhà mới lộng lẫy. Những thức đẹp thì đem bày ở những nơi dễ thấy nhất, còn những thức xấu xí thì vứt vào một xó. Đoạn anh ta đi quanh cái phòng lộng lẫy, không ngớt ngắm mình trong gương. Trong đầu óc anh, nảy ra một dự vọng không sao kiềm chế nổi là năm ngay lấy đăng đuôi cái danh vọng, không bỏ lỡ một phút, cho cả thế giới biết mặt. Chưa chi anh ta đã nghe thấy những tiếng trầm trồ: “Chà, Chartkov, Chartkov. Anh đã được xem tranh Chartkov chưa? Nét bút của Chartkov linh hoạt biết chừng nào! Tài năng của Chartkov lỗi lạc thật!” Anh đi đi lại lại trong phòng, lòng hân hoan ngây ngất, thả mình theo những giấc mơ. Ngày hôm sau, anh đến nhà người chủ bút một tờ báo có tiếng, yêu cầu ông ta rộng lòng giúp đỡ; một anh nhà báo tiếp anh rất niềm nở, gọi anh là “ông bạn thân” đưa cả hai tay ra bắt tay anh, hỏi anh cận kề nào tên, nào họ, nào chỗ ở, và ngay hôm sau trên tờ báo của ông ta, sau mấy dòng quảng cáo nền mỡ lợn mới sáng chế, có đăng một bài báo nhan đề:

VỀ NHỮNG TÀI NĂNG PHI THƯỜNG CỦA CHARTKOV

“Chúng tôi vội vã loan báo để các bậc thức giả thủ đô biết tin mừng về một vấn đề có thể nói là một phát hiện hết sức tốt đẹp. Ai nấy đều biết rõ rằng trong chúng ta có rất nhiều người có một dung nhan tuyệt mỹ, một diện mạo khả ái nhưng mãi cho đến nay, chúng ta chưa có cách gì ghi lại những gương mặt ấy trên một bức tranh đẹp để lưu truyền lại cho con cái về sau. Ngày nay sự thiếu sót ấy đã được bù đắp: Chúng ta đã có một họa sĩ một mình nắm được tất cả những tài năng cần thiết. Từ nay, phụ nữ có sắc đẹp có thể yên tâm; vẻ đẹp của họ sẽ được truyền lại trên bức tranh với tất cả cái duyên dáng nhẹ nhàng, dịu dàng, quyến rũ của nó, chẳng khác gì

những con bướm phấp phới bay trên đám hoa mùa xuân. Một người chủ gia đình đáng kính sẽ có thể thấy được cảnh vợ con đoàn tụ xung quanh mình. Bậc thương gia, trang chiến sĩ, người công dân, nhà chính khách – từ nay, mọi người sẽ tiếp tục tiến lên trên con đường sự nghiệp của mình với một lòng hăng hái gấp bội. Hãy mau lên, các bạn hãy mau mau vào thăm xưởng làm việc của họa sĩ sau khi đi dạo chơi hay đi dự hội về, nhân lúc đi thăm một người bạn trai, một cô em họ, hay vào một cửa hàng lịch sự mua bán, không kể là ở đâu xin mời các bạn rảo bước đến. Trong xưởng họa lộng lầy của họa sĩ (Đại lộ Nevsky, số nhà bao nhiêu đấy), có rất nhiều bức chân dung do cây bút lỗi lạc của họa sĩ, một cây bút xứng đáng với cây bút của Van Dyck và Titian vẽ. Người ta không còn biết ở họa sĩ nên thán phục cái gì nhất, sự trung thành sát sao với các mẫu vẽ, hay cái vẻ tươi mát, những màu sắc lạ thường của bức tranh. Đáng khen thay, nhà họa sĩ: anh đã trúng số độc đắc rồi đây! Hoan hô Andrei Petrovich (nhà báo này rõ ràng là thích lối xưng hô thân mật!) Hãy vì quang vinh của chúng ta và của riêng anh! Chúng ta rất quý tài năng của anh. Phần thưởng dành cho anh sẽ là: mọi người lũ lượt kéo đến xưởng anh, tiền bạc sẽ đổ vào túi anh, mặc dầu một số bạn đồng nghiệp của chúng tôi, các nhà báo, vẫn khinh miệt đồng tiền.”

Họa sĩ đọc những dòng quảng cáo này, trong lòng thấy sướng rơn; gương mặt rạng rỡ hẳn ra. Báo chí nói đến anh: đây là một điều mới mẻ với Chartkov. Anh đọc đi đọc lại bài báo đến mấy lượt. Được so sánh với Van Dyck và Titian, anh thấy hơi lòng hơi dạ quá. Câu “Hoan hô Andrei Petrovich” cũng làm cho anh rất thích thú. Người ta gọi anh bằng tên tục trên mặt báo – một vinh dự anh chưa từng biết. Anh bước dài trong phòng, nhịp bước nhanh nhanh, vò đầu cho tóc bù lên, ngồi lọt vào trong chiếc ghế bành, để rồi lại đứng phắt dậy, đến ngồi trên đi văng. Anh hình dung rồi đây anh sẽ tiếp các khách nam nữ ra sao, anh bước lại gần giá vẽ, cầm bút phóng tay vẽ mấy nét, táo bạo chăm chú sửa sao cho những nét ấy thật mềm mại duyên dáng.

Hôm sau, có tiếng chuông cửa rung, họa sĩ Chartkov vội vã chạy ra mở cửa. Một bà bước vào, đi trước có một tên đầy tớ mặc áo dẫu lót lông thú,

đi bên cạnh bà là một thiếu nữ mười tám tuổi, con gái bà ta.

— Ông là ông Chartkov? – bà khách hỏi. Họa sĩ nghiêng mình đáp lễ.

— Báo chí người ta nói rất nhiều về ông; họ bảo các bức chân dung ông vẽ đều là những bức tuyệt tác.

Nói đoạn, bà khách đưa cặp kính cầm tay lên mắt nhìn lướt qua các bức tường – trên đó chẳng thấy treo gì hết.

— Thế tranh của ông vẽ để đâu cả?

— Ở ngoài kia – họa sĩ nói, hơi lúng túng – tôi vừa mới dọn đến đây, tranh chuyển đến... đang ở trên đường đi..., chưa tới.

— Trước kia ông có sang Ý phải không – bà khách không biết nhìn vào đâu hơn, chìa thẳng cặp kính vào tay mặt Chartkov hỏi.

— Chưa ạ, tôi chưa sang, nhưng tôi vẫn có ý muốn... Nhưng bây giờ thì tôi đã quyết định hoãn lại việc đi này. Ghế đây... mời phu nhân và tiểu thư ngồi nghỉ tạm...

— Cám ơn ông, tôi đã ngồi trên xe khá lâu. A, đây là một cái gì của ông! – bà khách bước nhanh về phía những bức vẽ khác, những tập an bom, những bức tranh phong cảnh và những bức chân dung chất đồng dưới đất – *C'est charmant! Lise, Lise, venez ici!* này con xem, một căn phòng theo phong cách Tenier; đồ đạc lộn xộn, linh tinh, một cái bàn với một pho tượng bán thân, một bàn tay, một bảng trộn màu; kia, con xem bụi kia kia, con xem đám bụi ấy vẽ tài quá vẽ tài quá! *C'est charmant!* Trên một bức khác: một thiếu phụ đang rửa mặt! – *quelle jolie figure!*^[3] À ồ, lại một thằng bé mu gích! Lise, Lise, một thằng bé mu gích mặc áo sơ mi Nga kia! Con xem: một thằng bé mu gích! Thế ra không phải ông chỉ chuyên vẽ chân dung thôi à?

— Ồ, những thứ này không đáng kể... Tôi vẽ cho vui thế thôi... những bức vẽ phác ấy mà...

— Ý kiến của ông về các họa sĩ vẽ chân dung hiện nay ra sao? Có đúng là bây giờ không có ai được như Titian phải không? Không có ai được cách dùng màu khỏe khoắn... Thật tiếc quá, tôi không diễn đạt được ý nghĩ của

mình bằng tiếng Nga (bà khách là người thường quan tâm đến hội họa và đã cầm cặp kính tay đi khắp các phòng tranh ở Ý). Tuy nhiên cũng có me xừ Zero... chà, một họa sĩ mới tuyệt chứ! Nét bút của ông ta thật thần tình! Tôi thấy những khuôn mặt ông ta vẽ còn nhiều cốt cách hơn cả các chân dung của Titian vẽ nữa! Ông có biết me xừ Zero ấy chứ?

— Cái ông Zero ấy là ai? – họa sĩ hỏi.

— Ông Zero. Ồ, một tài năng lỗi lạc! Ông ấy đã vẽ cho em Lise đây một bức chân dung hồi em nó mới mười hai tuổi. Thế nào ông cũng phải ghé qua nhà thăm chúng tôi mới được. Lise, con sẽ đưa ông xem tập tranh của con nhé. Ông ạ, chúng tôi đến đây để nói với ông vẽ ngay cho cháu Lise một bức chân dung.

— Ồ được lắm. Tôi xin sẵn sàng làm ngay.

Chỉ một thoáng Chartkov đã đẩy lên phía trước một cái giá vẽ có căng vải sẵn, tay cầm bảng trộn màu và mắt chăm chú nhìn vào khuôn mặt nhỏ nhắn xanh xao của cô con gái. Ví thử Chartkov là người am hiểu tường tận bản chất con người, thì ngay lúc đó anh đã có thể đọc thấy những buổi dạ hội khiêu vũ đang làm chớm nở trên gương mặt cô gái một nỗi ham thích ngây thơ, thấy thoáng hiện một vẻ buồn bực và những câu than phiền sắp tới về nỗi thời gian trước bữa ăn và sau bữa ăn sao quá dài, anh sẽ đọc thấy niềm khát khao muốn chạy đến những nơi hội hè để khoe chiếc áo mới, đọc thấy những vết tích nặng nề của những buổi khổ công tập luyện nghệ thuật không chút hứng thú, mà bà mẹ bắt buộc con gái không được bỏ qua, để nâng cao tâm hồn và tình cảm. Nhưng trên khuôn mặt dịu dàng ấy, Chartkov chỉ nhìn thấy cái chất sứ trong suốt của da thịt, có sức hấp dẫn cây bút, một vẻ ẻo oải duyên dáng nhẹ nhàng, một cái cổ nhỏ bé, trắng trẻo và một thân hình thanh tú đài các. Anh đã chuẩn bị trước để đắc thắng, để phô trương nét bút nhẹ nhàng rục rờ của mình, cây bút của anh từ trước đến nay chỉ quen với những đường nét cứng nhắc của những hình mẫu thô kệch, với những pho tượng cổ đại nghiêm khắc và những bức mô phỏng tác phẩm các danh họa cổ điển. Anh đã hình dung thấy trước anh sẽ thể hiện khuôn mặt thanh tú này ra sao.

— Họa sĩ ạ – bà khách nói với một vẻ mặt gần như cảm động, tôi muốn thế này... Bây giờ em nó mặc... Thú thật tôi không muốn ông vẽ em nó mặc một cái áo dài mà chúng tôi nhìn đã quá quen thuộc, tôi muốn ông vẽ em nó mặc một chiếc áo dài thật giản dị và ngồi dưới bóng cây râm mát, trước mặt là một cánh đồng, xa xa có những đàn cừu hay một lùm cây..., người ta không thấy được là em nó sẽ từ đây đi dự một buổi khiêu vũ hay dạ hội nào. Thú thật với ông là những buổi khiêu vũ của chúng ta thường giết chết tâm hồn con người cùng với những cái gì còn sót lại của tình cảm, của đức tính... giản dị; vâng nó giết cho bằng hết cái đức tính giản dị.

(Chao ôi, trên gương mặt bà mẹ cũng như trên gương mặt cô con gái người ta có thể đọc thấy rõ là họ đã lê khắp các vũ hội, và đã khiêu vũ nhiều đến nỗi sắc mặt cả hai mẹ con đều vàng khè ra).

Chartkov bắt tay vào việc. Anh bắt thiếu nữ ngồi vào chỗ, suy tính cân nhắc mọi chuyện trong đầu; đưa bút dứt khoát một nét trong khoảng không, nhằm xác định các điểm mốc; anh nheo mắt, lúi lại, ngắm từ xa, và một giờ sau, đã phác xong cái nền. Rất hài lòng, anh bắt đầu vẽ thực sự, và chẳng mấy chốc công việc đã thu hút hết tâm trí anh. Anh đã bắt đầu quên hết quên sự có mặt của hai người đàn bà quý tộc, đến nỗi anh đã có những cử chỉ phóng túng của một nghệ sĩ, miệng ồ à thật to, đôi khi lại hát khe khe trong mồm như vẫn thường thấy ở một họa sĩ đang trút hết tâm hồn vào công việc. Không chút e dè, chốc chốc anh lại hất bút lông ra hiệu cho cô gái ngẩng đầu lên, khiến cuối cùng, cô gái, mệt quá, ngồi không yên chỗ, cứ nhấp nhòem luôn, vẻ mệt mỏi quá lắm.

— Thôi, lần đầu như thế là đủ rồi – bà khách nói.

— Ấy, một lát nữa – họa sĩ đang mài mê vẽ, vội vã giữ lại.

— Không, đến giờ rồi! Lise, ba giờ rồi, bà ta vừa nói vừa rút chiếc đồng hồ bé tí, có sợi dây chuyền vàng mắc vào thắt lưng, rồi kêu lên – Ồ, muộn quá rồi!

— Xin một phút tí teo nữa thôi mà – Chartkov nói với giọng năn nỉ chất phác của một đứa trẻ con.

Nhưng bà khách lúc này như không còn sẵn sàng chiều theo những khát khao nghệ thuật của nhà họa sĩ nữa, bà hứa lần sau sẽ ngồi lâu hơn.

“Kể cũng bức thật – Chartkov nghĩ bụng – Vừa vắn lúc bắt đầu có đà”. Anh nhớ lại khi anh làm việc trong xưởng vẽ của anh ở đảo Vasilievsky, chẳng có ai ngắt quãng công việc của anh, không ai bắt được anh phải ngừng tay lại. Thăng Nikita có thể cứ ngồi đấy mãi mãi không nhúc nhích, tha hồ muốn vẽ đến bao giờ thì vẽ; thậm chí có khi nó ngủ gật mà vẫn giữ nguyên cái tư thế mà anh bảo nó ngồi. Bức mình, Chartkov đặt bút vẽ và bảng trộn màu xuống, chờ người ra đứng trước giá vẽ. Một lời khen của bà khách quý tộc đã khiến Chartkov sức tỉnh. Anh chàng vội vã hấp tấp chạy ra cửa, tiễn hai người ra tận đầu thang, và được bà khách mời tuần sau đến dùng bữa chiều ở nhà bà ta, anh trở về phòng, vẽ mặt hoan hỉ. Bà khách quý tộc đã khiến anh hoàn toàn mê mẩn. Từ trước đến nay, anh vẫn coi những hạng người này là một cái gì cao xa không với tới được, tưởng chừng họ sinh ra chỉ để vút qua trên đường, trong một cỗ xe lộng lẫy với một anh xà ích sang trọng và đưa đầy tớ mặc chế phục, ném mắt thờ ơ nhìn những người đi bộ ăn mặc tồi tàn bước lếch thếch bên vỉa hè. Thế mà, giờ đây, một con người như vậy đến tận phòng anh: anh vẽ chân dung người ấy và được người ấy mời đến dự tiệc trong một gia đình quý tộc. Một cảm giác cực kỳ thỏa mãn tràn ngập tâm hồn anh, khiến anh như ngây ngất; để thưởng công cho mình, anh đi ăn một bữa thịnh soạn, đi xem kịch, và lại thuê xe song mã, bảo đánh đi chơi một vòng, chẳng để làm gì hết.

Những ngày hôm sau, Chartkov không còn đầu óc để làm những công việc hàng ngày, anh ta chỉ lo chuẩn bị, chờ cái lúc nghe có tiếng chuông ở ngoài cổng. Cuối cùng, bà khách quý tộc đến, cô con gái xanh xao theo sau. Chartkov mời hai người ngồi, khéo léo dịch chiếc giá vẽ lại gần, với bộ điệu học đòi của một con người thượng lưu, anh bắt đầu vẽ.

Trời nắng, ánh sáng giúp anh rất nhiều. Anh thấy ở người mẫu của anh có nhiều nét mà một khi thể hiện được lên tấm vải có thể khiến cho bức chân dung có những sắc thái đặc biệt; anh thấy với những nét ấy có thể vẽ được một bức tranh khác thường, chỉ cần thể hiện được đầy đủ tất cả những

gì anh nhìn thấy rõ, cùng những nét tiêu biểu cho người mẫu của anh. Khi cảm thấy mình sắp thể hiện những nét mà người khác chưa hề biết thể hiện, anh cảm thấy bồi hồi cảm động. Giờ đây, công việc thu hút anh, anh dồn hết tâm trí vào cây bút và lại một lần nữa quên khuấy là trước mắt mình có một cô gái dòng dõi quý tộc. Thấy mình thể hiện rất đạt những đường nét nhẹ nhàng, chất thịt da gần như trong suốt của một người con gái mười bảy tuổi, tim anh như ngừng đập vì xúc động. Anh ngắm rõ từng sắc thái tinh vi, cái ánh vàng phơn phớt trên da mặt, cái quầng hơi xanh xanh dưới cặp mắt, và anh đã chuẩn bị vẽ một nốt nhỏ sắp mọc trên trán, thì bỗng nghe tiếng bà mẹ đứng bên cạnh nói:

—Ồ, vẽ làm gì? Vô ích – Và cả chỗ này nữa... Ông có thấy chỗ ấy trông vàng quá không, còn chỗ kia... trông như những vết nhỏ đen đen.

Chartkov liền giảng cho bà ta hiểu rằng chính những cái vết nhỏ và cái màu vàng ấy hài hòa với nhau và chính nó tạo nên những màu sắc nhẹ nhàng thú vị của gương mặt. Nhưng bà khách trả lời anh những thứ ấy chẳng có hài hòa gì hết, tất cả chẳng qua chỉ là do nhà họa sĩ tưởng tượng ra mà thôi.

— Xin phu nhân cho phép để lại một chút vàng phơn phớt ở mỗi một chỗ này thôi – họa sĩ năn nỉ, giọng chất phác.

Nhưng chính cái điều đó người ta lại không muốn cho phép anh làm. Người ta bảo anh rằng hôm nay Lise hơi khó ở, nước da nó chẳng bao giờ có chút gì vàng hết, còn gương mặt nó đẹp chỉ vì bao giờ cũng hồng hào, tươi tắn. Anh buồn rầu bắt tay vào xóa những nét tinh vi mà cây bút của anh đã phác hiện lên trên tấm vải. Những nét nho nhỏ gần như không nhận thấy được ấy biến mất và theo nó bức chân dung cũng bớt giống đi một phần. Anh bắt đầu lạnh lùng tô lên tranh cái màu sắc chung chung, dùng đã thuộc lòng, thứ màu sắc làm cho những khuôn mặt dù có mẫu thật chẳng nữa, cũng đều biến thành những bộ mặt lạnh lùng như nhau, những bộ mặt lý tưởng hóa một cách nhạt nhẽo mà người ta thường thấy trong các bức mẫu tập vẽ của học sinh. Nhưng bà khách rất hài lòng khi thấy cái màu sắc xấu xí kia đã bị xóa hẳn đi. Tuy nhiên, bà ta vẫn tỏ ý ngạc nhiên về công

việc tiến hành chậm quá, và nói thêm rằng, theo lời đồn, họa sĩ Chartkov chỉ cần hai buổi để vẽ xong một bức chân dung. Họa sĩ Chartkov không biết trả lời ra sao. Hai mẹ con bà khách sửa soạn ra về. Anh đặt bút vẽ xuống tiền họ ra cửa, rồi quay vào đứng trước bức chân dung vừa vẽ, vẻ buồn rầu. Anh ngơ ngác nhìn bức tranh, trong lúc trong tâm trí anh lại nhìn thấy rõ những đường nét nhẹ nhàng và thanh thoát của người phụ nữ, những sắc thái nhẹ lằng lằng anh đã nắm được mà bút vẽ của anh đã phũ phàng xóa đi. Tâm trí vẫn vương những hình ảnh đó, anh gạt bức chân dung sang một bên, đi tìm một cái đầu nhỏ nhắn của Psyche, bức tranh mới vẽ phác bỏ đầu ở một góc đã từ lâu. Một khuôn mặt xinh xắn, vẽ rất khéo, nhưng hoàn hảo quá, lạnh lùng quá, không có một chút gì của da thịt sống. Không có gì khác hơn để làm, anh bắt tay vào sửa lại bức vẽ nọ, đưa lên gương mặt ấy tất cả những gì anh đã phát hiện được trên gương mặt của cô khách quý tộc. Những nét anh bắt chước được, những sắc thái hiện dần lên ở đây thuần khiết như sau khi nhìn thiên nhiên rất lâu, họa sĩ đã bắt đầu đi xa ra để tạo nên một tác phẩm nghệ thuật ngang với thiên nhiên vậy. Bức tranh Psyche sinh động hẳn lên và cái tư tưởng lúc thoát đầu chưa nhận thấy trên bức họa đã dần dần thành hình. Bức Psyche mượn tính cách của cô thiếu nữ đài các khiến cho khuôn mặt có một phong thái riêng tạo thành một tác phẩm thực là độc đáo.

Họa sĩ dường như sử dụng cùng một lúc cả một số nét riêng, cả cái dáng dấp chung của người mẫu và cuối cùng làm việc rất mê mải suốt mấy ngày không còn nghĩ đến cái gì khác. Hôm hai mẹ con bà khách trở lại thì thấy anh đang cắm cúi trước giá vẽ chưa kịp cất bức tranh đi. Cả hai mẹ con mừng rỡ, reo lên một tiếng ngạc nhiên và hươ cả hai tay.

— Lise, Lise! Trời ơi, giống quá đi mất! *Superbe, superbe!* Ông nghĩ ra cái ý cho em nó mặc y phục Hy Lạp, thật là tài tình.Ồ! Thật là không ngờ!

Họa sĩ không biết làm thế nào để cải chính. Anh ngượng ngập, cúi đầu khẽ nói:

— Psyche đấy.

— Ông vẽ em nó thành Psyche? *C'est charmant!* – bà mẹ mỉm cười nói, và cô con gái cũng mỉm cười theo.

— Lise, vẽ thế này hợp với con nhất phải không? *Quelle idée délicieuse!* [4] Mà nét bút mới điêu luyện làm sao! Ngang Corregge đấy! Xin thú thật là tôi đã từng đọc báo và nghe nói nhiều về ông, nhưng không ngờ ông lại có một tài năng như vậy, không, thế nào ông cũng phải vẽ chân dung cho cả tôi nữa.

Chắc hẳn bà ta cũng muốn họa sĩ vẽ mình thành Psyche hoặc một cái gì kiểu như vậy.

“Biết làm thế nào được đây? – Họa sĩ nghĩ thầm. Họ đã thích thế, thì cứ để thế, họ đã muốn thành Psyche thì để họ thành Psyche”, và anh nói to:

— Mời tiểu thư chịu khó ngồi thêm một lát, tôi cần chữa lại chút ít.

— Ồ, tôi chỉ sợ ông... Cứ thế này đã giống lắm rồi.

Nhưng họa sĩ hiểu rằng bà sợ là sợ cái màu vàng kia, nên an ủi bà ta, nói rằng chỉ muốn to cho đôi mắt sáng hơn, sinh động hơn. Thật ra anh thấy ngưỡng quá và muốn chữa cho bức tranh giống người mẫu hơn dù chỉ một chút nữa thôi cũng được, để ai đó không có thể trách anh là bất lương một cách quá trắng trợn. Và, quả thật những nét mặt của cô gái xanh xao bắt đầu hiện dần lên rõ hơn trên khuôn mặt của Psyche.

— Thôi! – bà mẹ kêu lên, bà ta sợ họa sĩ vẽ giống quá.

Người ta cảm ơn họa sĩ đủ cách: một nụ cười, một món tiền, biết bao nhiêu lời khen, một cái bắt tay, lại mời đến nhà ăn bữa tối; tóm lại, anh nhận được muôn vàn phần thưởng thú vị. Dư luận trong thành phố xôn xao về bức chân dung. Bà khách đem nó ra khoe với các bà bạn; ai nấy đều kinh ngạc vì tài nghệ của họa sĩ đã vẽ được rất giống, đồng thời lại tôn được vẻ đẹp lên rất nhiều so với người thật. Điều nhận xét sau này rõ ràng không khỏi nhuộm chút ghen tỵ. Và bỗng nhiên từ đấy người ta tới tấp đến đặt họa sĩ làm tranh. Tưởng chừng cả thành phố muốn đến nhờ anh vẽ chân dung cho. Chuông cửa réo liên tiếp. Điều đó đáng lẽ ra có thể có phần tốt, nó cho anh một dịp tha hồ luyện bút với rất nhiều vẻ mặt khác nhau. Nhưng

khốn nỗi, khách hàng rất là hạng người khó tính, lúc nào họ cũng vội vàng, bận rộn, hoặc giả lại thuộc giới xã giao thượng lưu, có nghĩa là họ càng bận rộn hơn và cực kỳ nóng ruột không chịu đợi lâu. Ai nấy đều đòi hỏi anh vẽ thật nhanh, và thật đẹp. Họa sĩ thấy rõ là anh không thể nào làm công việc của mình cho hoàn hảo, cho đến nơi đến chốn được, phải lấy kỹ xảo và nét bút khéo léo thay cho tất cả, chỉ cần diễn tả được cái toàn cục, những nét bao quát, chứ không đi sâu vào những chi tiết tinh vi; tóm lại, theo sát thiên nhiên trong cái hoàn chỉnh của nó là điều anh hoàn toàn không thể làm được. Cần nói thêm rằng tất cả những người mẫu của anh đều có nhiều yêu cầu khác. Các bà đòi bức chân dung chỉ thể hiện tâm hồn và tính cách của họ thì hơn, còn những cái khác thì chớ có giống quá làm gì, các góc cạnh phải được mài nhẵn, những tật nhỏ nhỏ sửa bớt đi, hay nếu có thể được thì xóa hẳn đi. Tóm lại, bức chân dung, nếu không có sức làm say đắm người xem thì cũng khiến được họ phải yêu nó. Thành thử, khi ngồi làm mẫu, đôi lúc họ cứ tạo ra những vẻ mặt khiến cho họa sĩ phải kinh ngạc: bà thì ra sức thể hiện vẻ u hoài, bà thì làm ra bộ mơ mộng, có bà lại cứ một mực muốn cho cái miệng của mình nhỏ bớt đi, nên cứ mím chặt nó lại, đến nỗi nó chỉ còn là một cái chấm vừa bằng đầu mũi chiếc đinh ghim. Ấy thế mà họ vẫn một mực đòi họa sĩ vẽ phải thật giống và hoàn toàn tự nhiên. Khách đàn ông cũng chẳng hơn gì. Người đòi phải vẽ mình với cái dáng hất đầu mạnh mẽ và cương quyết; người đòi có cặp mắt đầy cảm hứng ngược nhìn lên trời; ông trung úy cận vệ cứ năng nặc đòi họa sĩ vẽ sao cho trong đôi mắt của ông ta có hình ảnh Thần Chiến Tranh; quan đại thần nài sao cho gương mặt mình lộ rõ vẻ cương trực, quý phái, còn bàn tay thì tỳ lên một cuốn sách có đề thật rõ nét câu: “Tôi luôn luôn bảo vệ chân lý”. Thoạt tiên nghe người ta đòi hỏi họa sĩ toát cả mồ hôi hột; tất cả những cái ấy lẽ ra phải cân nhắc suy nghĩ, nhưng người ta không để cho anh có thì giờ. Tuy nhiên, cuối cùng, anh cũng nắm được hệ thống và cảm thấy không có chút khó khăn nào hết. Giờ đây, chỉ cần nghe khách nói mấy câu là anh đã đoán được ý muốn của họ rồi. Kẻ nào coi mình là Thần Chiến Tranh thì anh cho ngay Thần Chiến Tranh lên gương mặt họ; với người mơ tưởng mình là thi sĩ Byron, thì anh cho ngay họ có cái tư thế, cái hất đầu của Byron. Các bà có

muốn làm Corinne, Aspasia hay công chúa Thủy tề, đều được cả; hơn nữa họa sĩ lại còn tự ý thêm vào cho họ những nét mỹ miều, đài các, chẳng có gì hại cho ai, thành thử dù bức vẽ không giống cho lắm, người ta cũng sẵn sàng lượng thứ cho họa sĩ. Chẳng bao lâu, chính Chartkov cũng phải ngạc nhiên không hiểu sao cây bút của mình lại nhanh nhẹn, dễ dàng một cách lạ lùng đến thế. Còn những người được vẽ thì dĩ nhiên là sướng mê đi, đi đâu cũng tán dương thiên tài của họa sĩ.

Chartkov đã trở thành một họa sĩ thời thượng về mọi phương diện. Anh dự các bữa tiệc, cùng các phu nhân, các tiểu thư đi xem triển lãm, cùng họ đi dạo chơi, anh ăn mặc diêm dúa, lớn tiếng khẳng định trước công chúng rằng người họa sĩ phải thuộc về xã hội, rằng cần phải bảo vệ thanh danh của nghề họa, và những họa sĩ ăn mặc như đồ thợ giày là không biết phép lịch sự, không hiểu phép xã giao và hoàn toàn thiếu giáo dục. Anh ta chú ý giữ sao cho xưởng vẽ thật ngăn nắp sạch sẽ, thuê hai người hầu phòng thật bảnh, mỗi ngày anh ta thay trang phục mấy lần, đi uốn tóc, tập luyện những dáng điệu thật đẹp mắt để tiếp khách, lo ăn mặc cho thật diện để được lòng nữ giới; tóm lại, chẳng bao lâu ở Chartkov đã không còn chút vết tích gì của người họa sĩ nghèo xưa kia làm việc âm thầm trong một gian nhà lụp xụp ở đảo Vasilievsky. Về các họa sĩ và nghệ thuật, giờ đây anh ta phát biểu rất nghiêm khắc; anh ta khẳng định rằng người ta đề cao các họa sĩ thời trước một cách quá đáng, rằng tất cả các họa sĩ trước Raphael không phải là vẽ những gương mặt người mà là vẽ những con cá trích, theo anh ta, cái ý nghĩ cho rằng những tác phẩm của các họa sĩ ấy tự nó đã có một cái gì thiêng liêng, chỉ là do người thán phục nó tưởng tượng ra mà thôi; chính Raphael nổi tiếng vô song và rất nhiều tác phẩm của ông ta nổi tiếng cũng chỉ do người đời truyền tụng viển vông mà nên. Michelangelo là một gã khoác lác chỉ muốn phô trương ta đây am hiểu giải phẫu học, còn tranh vẽ của ông ta thì chẳng có chút gì duyên dáng; muốn tìm những nét bút mạnh mẽ, những màu sắc trong sáng, phải tìm trong nền hội họa hiện nay, nền hội họa của thế kỷ hiện đại. Đến đây, lẽ tự nhiên là Chartkov, như bất giác, đưa ngay bản thân mình ra làm dẫn chứng! *Không*, anh ta nói, *tôi không hiểu*

*nổi tại sao lại có những người khổ công miệt mài với tác phẩm của mình đến như thế! Kẻ nào hì hục mấy tháng liền để vẽ một bức tranh, theo tôi, kẻ đó là một anh thợ thủ công chứ không phải một nghệ sĩ. Tôi không tin là hẳn ta có tài. Thiên tài bao giờ cũng sáng tác một cách mạnh dạn, nhanh chóng, như tôi đây chẳng hạn, anh ta thường nói với khách, các người cứ xem cách tôi vẽ. Bức tranh này tôi hoàn thành trong hai ngày; cái đầu này trong một ngày; cái này trong có mấy tiếng đồng hồ, còn cái này chỉ hơn một tiếng. Không, còn như tôi... Tôi phải thú thật là tôi không thừa nhận những công trình để ra từng nét một ấy là nghệ thuật; nó là kiểu thủ công nghiệp, chứ đâu phải là nghệ thuật; Chartkov vẫn thường nói với khách đến thăm tranh như vậy, và khách trầm trồ khâm phục những nét vẽ mạnh mẽ và phóng khoáng của họa sĩ; thấy nói vẽ cực nhanh như vậy, nhiều người kêu lên kinh ngạc và sau đó thường nhắc lại với nhau: “Đúng là một tài năng, một tài năng chân chính! Cứ lắng nghe ông ta nói, nhìn đôi mắt ông ta, nó long lanh sáng biết chừng nào! *Il y a quelque chose d’extraordinaire dans toute sa figure!*”^[5]*

Họa sĩ rất thích thú khi nghe được những lời thiên hạ kháo nhau về mình như vậy. Anh ta sung sướng khi đọc những bài báo ca ngợi mình, mặc dầu chính anh ta đã bỏ tiền túi ra trả công cho người viết các bài báo đó. Đi đâu anh ta cũng mang theo một tờ báo và làm như ngẫu nhiên đưa cho bạn bè xem, vẻ thích thú gần như ngây thơ. Danh vọng của Chartkov ngày một tăng, số hàng đặt cũng tăng. Anh ta đã bắt đầu thấy chán những bức chân dung ấy, chán những khuôn mặt một điệu, những tư thế và những kiểu ngồi thuộc lòng. Anh ta đã không thấy hứng thú trong lúc vẽ, chỉ gặng phác qua cho mau cái đầu, còn lại dẹp cho học trò vẽ nốt. Lúc đầu anh ta còn chịu khó ít nhiều để tìm ra một kiểu ngồi mới, tìm cách nào đó để đập vào óc tưởng tượng của người xem. Bây giờ ngay cái việc làm đó anh ta cũng thấy chán. Trí óc anh ta đã ngại tìm tòi, suy nghĩ. Làm công việc đó, anh ta thấy buồn chán, mà cũng chẳng có thì giờ: cuộc sống phóng đảng, cái xã hội thượng lưu trong đó anh ta muốn nổi bật lên, tất cả những cái đó lôi kéo Chartkov xa thói quen làm việc và suy nghĩ. Nét vẽ của anh ta không còn

cái nhiệt tình, cái thông minh nữa, và dần dần rơi vào cái đơn điệu, vào những hình thức dùng đã nhàm, cứng nhắc, thô lúc nào không hay. Tất cả những cái đầu giống nhau, lạnh lùng, chững chạc, như lâm lì của bọn quan lại văn võ, không còn để đất rộng rãi cho cây bút vẽ hoạt động: họa sĩ đã quên băng cả vẻ đẹp lộng lẫy của những tà áo cổ dài, cả những tư thế, những cảm xúc mạnh mẽ. Lại càng ít nhớ hơn nữa đến vấn đề bố cục, đến bi kịch nghệ thuật, đến cái cao quý của xuất phát điểm. Trước mặt anh ta, quanh đi quẩn lại chỉ có những bộ thảm phục, những coóc xê, những bộ lễ phục làm giá lạnh người họa sĩ và bóp chết trí tưởng tượng. Tác phẩm của anh ta đã mất hết ngay cả những phẩm chất thông thường nhất: điều này không làm cho số người ham thích tranh của anh ta ít đi, nhưng những người thật sự sành sỏi cũng như các họa sĩ khác, ai nấy đều nhún vai khinh miệt. Với những người quen biết Chartkov từ trước, họ không hiểu làm thế nào mà ta để mai một cái tài năng mà ngày từ buổi đầu đã có những dấu hiệu chói lọi, họ cũng không sao tự giải thích cho ra tại sao một người vừa mới lên tới độ sung sức như vậy lại có thể để mất hết thiên tư.

Nhưng quá say sưa danh vọng, Chartkov không hề nghe thấy những lời bàn tán ấy. Anh ta đã đến cái tuổi đầu óc muốn nghỉ ngơi: người phát phì, to ngang ra trông thấy. Giờ đây, anh ta đã có thể đọc trên các báo chí thấy những lời xưng tụng như “Ông Andrei Petrovich đáng kính của chúng ta, Andrei Petrovich đáng kính của chúng ta”. Giờ đây, người ta đã đề nghị anh ta nhận những chức vị danh dự, mời anh ta tham gia vào một hội đồng chấm thi, vào một ủy ban này hoặc một ủy ban khác. Giờ đây, anh ta đã bắt đầu bênh vực Raphael và các họa sĩ bậc thầy thời trước, không phải vì cuối cùng anh ta đã công nhận giá trị của họ, mà chính là để đem họ ra áp đảo các họa sĩ trẻ. Giờ đây, cũng như tất cả những người khác khi về già, anh ta đã bắt đầu chê trách, không từ một ai trong bọn thanh niên, là thiếu đạo đức, là bất lương. Giờ đây, anh ta đã bắt đầu nghĩ mọi việc trên đời đều rất đơn giản, không có cái gọi là cảm hứng thiêng liêng, và nự trị trên mọi vật cần thiết, phải có một quy tắc duy nhất về trật tự và khuôn khổ nhất loại. Tóm lại, cuộc đời anh ta đã đến điểm giới hạn của cái tuổi mà khát vọng

bồng bột trong con người đều co rúm lại, cái tuổi mà tâm hồn không còn rung động trước sức mạnh của chiếc vĩ cầm, những âm thanh mãnh liệt của cây đàn không còn chạm được tới trái tim, cái đẹp có lướt qua cũng không khiến được những sinh lực trẻ trung bùng lên ngùn ngụt như ngọn lửa, cái tuổi mà các giác quan tiêu mòn đã bắt đầu nhạy bén đối với ảnh hưởng của kim tiền, chăm chú lắng nghe cái điệu nhạc quyến rũ của nó và dần dần để cho nó ru ngủ thiếp đi. Vinh quang không thể đem lại lạc thú cho kẻ nào chỉ đánh cắp nó, chứ không xứng đáng được nó; nó chỉ truyền cái ngây ngất của vĩnh cửu cho kẻ nào xứng đáng được hưởng. Vì lẽ đó, tất cả những tình cảm, những hăm hở của Chartkov giờ đây đều hướng vào đồng tiền. Tiền đã trở thành nỗi ham say, cái lý tưởng, nỗi kinh hoàng, niềm lạc thú, cái mục đích của anh ta. Những tập giấy bạc phình to lên, trong các rương hòm của họa sĩ, và cũng như bất cứ kẻ nào số phận phải chịu cái cảnh bị chi phối đáng kinh sợ đó, họa sĩ Chartkov trở nên buồn rầu, không còn thiết gì ngoài tiền bạc; biến lộn một cách vô lý; vợ vệt một cách điên cuồng đến mức anh ta sắp biến thành một sinh vật kỳ dị thường thấy trên đời, một sinh vật mà ai còn có một sức sống, một tâm hồn nhìn thấy đều phải ghê sợ, như nhìn thấy trước mặt mình một cỗ quan tài bằng đá, bên trong đựng một cái xác chết chứ không phải một trái tim. Nhưng, đột nhiên, một sự kiện bất ngờ đã đến làm anh ta rối trí, nó đánh thức tất cả cái sức hoạt động trong con người anh ta dậy.

Một hôm, Chartkov thấy trên bàn một bức thiệp của Hàn lâm viện Mỹ thuật mời anh, với tư cách là một viện sĩ đặc biệt, đến xem và cho ý kiến về tác phẩm mới của một họa sĩ Nga du học ở Ý. Họa sĩ này là bạn học cũ của Chartkov, từ hồi nhỏ anh đã say mê nghệ thuật; dâng cả tâm hồn cho nghệ thuật, anh từ giã bạn bè, gia đình, từ bỏ cả nếp sống đầm ấm quen thuộc, đi đến nước Ý, khu vườn ươm tráng lệ của nền nghệ thuật chín muồi dưới bầu trời lộng lẫy, đi đến thành La Mã diệu kỳ, nơi mà chỉ cái tên thôi cũng đủ khiến trái tim nhiệt thành của người họa sĩ đập rộn rã. Đến đây, anh sống cuộc sống ần dật, trút hết sức lực tâm hồn vào công việc, vào học hành, không có gì có thể làm anh sao nhãng. Anh không bận tâm đến những lời

người ta có thể bàn tán về anh, về tính nết của anh, đến những lời họ chê bai nào anh kém cỏi, không biết thích ứng với người đời, nào anh cố ý không biết đến những quy tắc xã giao, nào quần áo anh vận sờn rách, không lịch sự đã khiến cho giới họa sĩ phải xấu hổ. Bạn đồng nghiệp vui lòng hay tức giận vì anh, anh không thiết nghĩ đến. Hiến thân cho nghệ thuật, còn ngoại giả anh coi khinh tất cả. Anh thường lui tới không biết mỗi các phòng triển lãm mỹ thuật, đứng hàng giờ trước tác phẩm của các nhà danh họa, cố gắng nắm lấy và theo đuổi nét bút kỳ diệu của họ. Không bao giờ hoàn thành một công trình mà anh lại không đem nó ra so sánh nhiều lần với tác phẩm của các bậc thầy, không tìm ở trong tác phẩm của họ một lời khuyên bảo thầm lặng mà hùng hồn. Anh không tham dự những cuộc mạn đàm ồn ào, không tranh luận; anh không bênh vực mà cũng không công kích phái nghiêm cách. Cái gì anh cũng đánh giá đúng mức, chỉ rút ra từ đó cái đẹp nhất, và cuối cùng, anh chỉ tôn Raphael, Raphael tuyệt diệu, làm thầy. Về điểm này, anh cũng giống như một nhà thơ vĩ đại nọ, sau khi đã đọc rất nhiều tác phẩm đầy sức hấp dẫn, có nhiều vẻ đẹp cao cả, cuối cùng chỉ giữ lại có mỗi cuốn *Iliad* của Homer làm sách gối đầu giường, vì đã phát hiện thấy trong tác phẩm đó tất cả những gì mình có thể ao ước, vì tất cả mọi sự vật đã được phản ánh trong thiên anh hùng ca hoàn thiện, sâu sắc và hùng tráng đó. Và chính ở nơi trường học này, anh đã đạt tới những tư tưởng cao cả, những ý nghĩ đẹp đẽ hùng tráng và có được sức hấp dẫn của cây bút trác tuyệt.

Khi Chartkov bước vào phòng đã thấy người tụ tập đông nghịt trước bức tranh. Trong phòng im phăng phắc – một điều hiếm có khi người xem tranh gặp nhau đông đúc. Chartkov vội vàng làm ra vẻ mặt quan trọng của một chuyên gia, bước lại gần bức tranh... Nhưng, trời ơi, thật quá sức tưởng tượng!

Tác phẩm của họa sĩ hiện ra trước mắt Chartkov tuyệt vời, thuần khiết, không chút gợn; như một nàng dâu mới. Nhũn nhặn, tuyệt diệu, trong trắng và giản dị như thiên tài, tác phẩm bay bổng trên tất cả, tưởng chừng đây là những thiên thần kinh ngạc vì thấy bao nhiêu cặp mắt đổ dồn vào nhìn

mình đã thẹn thùng, buông những hàng mi tuyệt mỹ xuống. Những người am hiểu hết sức kinh dị, ngăm ngúa, tỏ vẻ thán phục cái tác phẩm do một cây bút mới từ trước chưa có tên tuổi sáng tạo nên. Người ta như nhìn thấy trong bức họa vừa có những dáng điệu cao quý, thanh cao của Raphael, vừa có nét bút điêu luyện tuyệt vời của Corregge. Nhưng sức mạnh của bức họa phần lớn toát ra từ sức sáng tạo dồi dào thấm nhuần đến tận những chi tiết nhỏ nhất của bức tranh. Họa sĩ đã phát hiện và thấu hiểu được cái quy luật và sức mạnh nội tại của mọi vật. Chỗ nào cũng thấy rõ cái dáng tròn trĩnh thanh thoát của đường nét trong thiên nhiên, điều mà chỉ người nghệ sĩ có sức sáng tạo mới nhận ra được, còn người thợ sao chép chỉ vẽ thành những góc cạnh xù xì. Rõ ràng là tất cả những gì lấy từ thế giới bên ngoài trước hết phải được lắng lại trong tâm hồn họa sĩ, rồi từ đấy, từ một ngọn suối bên trong, tuôn vọt ra bài ca hài hòa, trang trọng đó. Cái vực thẳm ngăn cách giữa sự sáng tạo với việc sao chép thiên nhiên một cách đơn thuần, ngay kẻ không biết gì về hội họa cũng nhìn thấy rõ.

Thật khó có bút nào tả được cái không khí im lặng phi thường bất giác bao trùm lên đám người đang chăm chú nhìn bức tranh: không một tiếng động, không một tiếng sột soạt khe khẽ, trong khi đó bức tranh cứ như bay bổng lên dần, mỗi lúc một rực rỡ hơn, tuyệt diệu hơn, nó tách ra khỏi mọi vật xung quanh, để đạt tới cái giây phút thiêng liêng, chính cái giây phút trái cây từ trên trời rơi vào tay người nghệ sĩ, cái giây phút mà cả một đời người chỉ là một cuộc chuẩn bị để đạt đến. Những giọt nước mắt thán phục bất giác thấy ứa ra trong khóe mắt những người đứng xem tranh. Tưởng chừng như tất cả những thị hiếu, tất cả những sở thích dù sai trái và xấc lược đều hòa hợp lại trong một bản nhạc trầm lặng ca ngợi tác phẩm thần diệu này.

Im lặng, miệng há hốc, Chartkov nhìn bức tranh, và khi những người xem tranh đã dần dần bắt đầu lên tiếng bàn tán về giá trị tác phẩm, và khi, cuối cùng, người ta yêu cầu anh ta cho ý kiến, Chartkov mới sực tỉnh, chuẩn bị phát biểu một ý kiến cũ sáo, một ý kiến nhạt nhẽo mà các họa sĩ đã chai sạn thường dùng, đại loại như: “Ồ, dĩ nhiên nghệ sĩ không phải là

không có tài năng; ở đây không phải là không có một cái gì, ta có thể thấy rõ là anh ta cũng muốn biểu hiện một cái gì đấy, nhưng nếu để tâm tìm cái chủ yếu thì...” Và sau đó là thêm mấy lời khen ngợi mà bất kỳ một Họa sĩ nào nghe cũng thấy khó chịu. Chartkov chuẩn bị phát biểu cái kiểu như vậy, nhưng anh ta nói không nên tiếng, chỉ thấy nước mắt trào ra cùng với những tiếng nấc nghẹn ngào; anh ta bỏ chạy ra khỏi phòng như một người mất trí.

Chartkov đứng sững một lúc giữa căn phòng họa lỏng lẫ của mình. Tất cả những gì trước kia là cuộc sống, cuộc đời của anh ta trong khoảnh khắc chợt tỉnh dậy, tuổi trẻ trở lại như những tia lửa tài năng đã tắt ngấm của anh ta nay chợt bùng cháy trở lại. Mảnh vải bưng kín mắt nay bỗng rơi xuống. Trời ơi! Anh ta đã làm gì với những năm tháng đẹp đẽ nhất của đời mình, làm sao anh ta lại đã có thể tiêu diệt, dập tắt những tia lửa có thể đã bùng cháy, ngọn lửa mà lẽ ra cũng đẹp đẽ, hùng vĩ, và có lẽ cũng khiến được những giọt lệ kinh ngạc và biết ơn ứa ra trong các khóe mắt? Đã giết chết hết tất cả những cái đó, giết chết một cách phũ phàng, không chút tiếc thương! Dường như tất cả những cố gắng xưa kia của họa sĩ, tất cả mỗi hăm hở trước kia, đã sống lại trong anh ta vào đúng cái giây phút này. Chartkov cầm lấy bút đến gần giá vẽ, tâm trí căng thẳng làm mồ hôi chảy ròng ròng trên mặt; anh ta chỉ có mỗi một ước vọng. Mỗi một ý nghĩ vẫn thường nung đốt: anh ta muốn vẽ một thiên thần bị sa đọa. Nhưng chao ôi! Mọi hình thù, dáng điệu, mọi bố cục, tư tưởng, đều khuôn theo một trật tự đã quy định sẵn, không chút găn bó với nhau! Cây bút và trí tưởng của anh ta đã quá quen đóng trong cùng một cái khuôn duy nhất; cái khát vọng hăm hở bất lực không đủ sức vượt qua khuôn khổ, không bẻ gãy nổi những xiềng xích mà chính anh ta đã đem trói buộc mình vào; cái khát vọng ấy hình như ngay từ đầu đã mang trong bản thân nó một cái gì ngụy ảo, sai lầm. Họa sĩ đã không thêm bước theo những bậc thang dài dặc và đầy gian khổ của việc tiếp thu dần dần những kiến thức, những quy luật cơ bản đầu tiên là cơ sở cho mọi cái vĩ đại trong tương lai. Nỗi hờn giận nung nấu trong lòng, Chartkov sai vút khỏi xưởng họa tất cả những tác phẩm anh ta

vẽ gần đây, tất cả những bức tranh thời thượng, tất cả những chân dung sĩ quan khinh kỵ, mệnh phụ, tư vấn quốc gia. Anh ta đóng cửa ngòi một mình trong phòng, dặn người nhà cấm cửa, không tiếp ai rồi vùi đầu vào làm việc. Anh ta miệt mài vẽ, chăm chỉ, kiên nhẫn như một gã thiếu niên, như một chú học trò. Nhưng tất cả những nét anh ta vẽ lúc này mới bạc bẽo một cách tàn tệ làm sao! Chốc chốc lại phải ngừng tay vì vấp phải chỗ chưa biết đến những yếu tố cơ bản đầu tiên; cái tính máy móc đơn giản và vô nghĩa làm nguội lạnh cảm hứng và chặn đường óc tưởng tượng của anh ta. Bút vẽ của anh ta cứ bất giác quay về với những hình thức đã nhàm, hai bàn tay cứ đặt theo như thói cũ, cái đầu không dám có một tư thế mới mẻ, cho đến cả những nếp áo cũng sức mùi meo mốc, không chịu tuân theo họa sĩ, không chịu xếp theo một tư thế không quen thuộc. Và điều đó, Chartkov cảm thấy rõ, rõ lắm, chính anh ta nhìn thấy nó rõ lắm!

“Nhưng có đúng là trước đây có lúc mình đã có tài thực không?— cuối cùng Chartkov tự hỏi – mình đã làm chẳng?” Anh ta liền muốn xem lại những tác phẩm mình vẽ trước kia, những tác phẩm vẽ ra hết sức vô tư, không vì lợi, vẽ ra ở đằng ấy, trong gian gác lợp xúp trên đảo Vasilievsky vắng vẻ, xa nơi đô hội, xa cảnh giàu sang, xa những thú vui đàng điếm. Anh ta bước lại gần nhìn kỹ đám tranh cũ và thốt nhiên thấy cả quãng đời thanh bạch nghèo nàn xưa kia lại hiện lên trong ký ức.

“Đúng, vẻ tuyệt vọng, – Chartkov thốt lên nói – trước kia ta đã có tài năng. Đâu đâu cũng thấy những vết tích, những dấu hiệu...”

Thốt nhiên, anh ta dừng lại, chân tay run lẩy bẩy, mắt anh ta vừa bắt gặp một cặp mắt đang nhìn mình trừng trừng, không nhúc nhích. Đó là bức chân dung kỳ lạ trước kia anh ta đã mua ở chợ Shchukin. Bao nhiêu năm nay, bức chân dung nọ bị bỏ lầy dưới đồng tranh và Chartkov đã quên bằng nó đi. Bây giờ, sau khi tất cả các tranh vẽ thời thượng đã được mang đi chỗ khác, nó lại hiện ra và, dường như hữu ý, nó hiện ra cùng một lúc với những tác phẩm thời niên thiếu của họa sĩ. Chartkov nhớ lại tất cả cái lịch sử kỳ dị của bức chân dung; anh ta nhớ ra rằng chính nó đã là nguyên nhân khiến cho anh ta thay đổi, số tiền vợ được một cách kỳ lạ nọ đã làm nảy

sinh trong lòng anh biết bao nhiêu những dự vọng phù hoa, đã giết chết tài năng của anh..., và nghĩ vậy, bỗng anh ta thấy như muốn phát điên. Lập tức anh ta sai cất biệt bức chân dung đáng căm thù ấy đi. Những cảm giác xoắn xang trong lòng anh ta không vì thế mà dịu bớt: tất cả những giác quan, tất cả cơ thể anh ta đã bị đảo lộn sâu sắc, và đến lúc đó anh ta mới cảm thấy rõ cái nỗi thống khổ khủng khiếp, đôi khi xuất hiện trong thiên nhiên như một lệ ngoại kỳ dị, vẫn xảy ra khi một tài năng kém cỏi cố sức thể hiện trên một quy mô vượt quá sức và không sao thể hiện ra được; cái nỗi thống khổ mà ở người thiếu niên thì sẽ làm nảy ra cái vĩ đại, nhưng ở kẻ đã sang quá biên giới của mơ mộng thì chỉ trở thành một niềm khát khao vô hy vọng, nỗi thống khổ khủng khiếp có thể khiến con người phạm những tội ác ghê gớm. Lòng ghen ghét cay độc dữ dội như một cơn điên dại đã nảy sinh trong lòng Chartkov. Anh ta cảm thấy oán hận, bầm gan tím ruột mỗi khi đứng trước một tác phẩm đầy tài năng. Anh ta nghiêng rặng, đôi mắt đầy sát khí nhìn chòng chọc bức tranh. Trong tâm trí họa sĩ nảy ra một ý định cực kỳ quái đản, chưa từng ai quan niệm đến, anh ta hồi hải đem nó ra thi hành với một quyết tâm cuồng dại. Anh ta bỏ tiền ra mua tất cả những tác phẩm nghệ thuật có giá trị nhất. Mỗi lần mua bằng được một bức tranh với giá cao, Chartkov cẩn thận mang về, rồi điên cuồng, hung hãn như một con hổ đói, hằm hè xông vào xé vụn bức tranh, vừa lấy chân giẫm nát nó đi, vừa cất tiếng cười hả hê, khoái trá. Tiền của tích lũy được nhiều đến nỗi không đếm xuể cho phép anh ta thỏa mãn được đầy đủ cái dự vọng hoang dại đó. Anh ta mở tung hết các rương hòm, tháo hết các túi vàng. Chưa bao giờ có một hung thần dốt nát nào lại phá hủy nhiều tác phẩm ưu tú như tên nghệ sĩ hung hãn lao vào việc trả thù quái gở này. Trong những buổi đấu giá, hễ có mặt Chartkov là mọi người đều bỏ cuộc trước, không ai còn hy vọng mua được một tác phẩm nghệ thuật. Tưởng chừng như trong cơn phẫn nộ, trời đã cố ý phái xuống trần gian cái tai ương hãi hùng ấy nhằm xóa hết tất cả cái hài hòa trên trái đất. Những cơn phẫn nộ đê hèn ấy đã cho Chartkov một nước da ảm đạm: lòng oán hận nhuộm gương mặt con người đó thành màu vàng sùng. Sự khinh miệt, ý phủ nhận xã hội lộ rõ trên nét mặt hằn. Tưởng như hằn chính là hiện thân của con Quỷ mà nhà thơ Pushkin đã miêu tả một

cách tuyệt vời. Miệng hắn thốt ra toàn những lời dè bủ chua cay, những câu nói ác độc. Hắn hăm hăm bước đi giữa phố như một con diều hâu mặt người trong thần thoại, và ngay đến những người quen biết, trông thấy hắn từ xa, cũng đều tìm cách lảng tránh đi không muốn gặp, họ nói chỉ gặp hắn như vậy cũng đủ cho ngày hôm ấy mất vui.

May thay cho nhân loại và nghệ thuật, một cuộc đời hung dữ và không chút nào tự nhiên như vậy không thể nào kéo dài được: cái dục vọng của hắn bậy bạ quá, to lớn quá, sức lực yếu ớt của hắn không chịu đựng được. Những cơn phát điên, nổi dại mỗi ngày một nhiều lên, và cuối cùng biến thành một chứng bệnh hết sức hãi hùng. Một chứng sốt nóng ác liệt kèm theo một bệnh lao cấp tính diễn biến hết sức nhanh, hoành hành dữ dội đến nỗi chỉ ba ngày sau, hắn chỉ còn là một cái bóng của chính hắn trước kia. Thêm vào đấy, chẳng bao lâu lại có những triệu chứng của một bệnh điên không thể nào chữa được. Đôi khi phải đến mấy người mới ghìm giữ nổi hắn. Hắn tưởng như lại nhìn thấy cặp mắt mà hắn đã quên đi từ lâu, cặp mắt như sống của bức chân dung kỳ dị, và những khi đó, cơn điên dại của hắn trở nên vô cùng khủng khiếp. Trong cơn điên dại, hắn nhìn thấy tất cả những người đứng quanh giường hắn đều có những nét của bức chân dung quái đản. Bức chân dung nọ biến thành hai, thành bốn dưới mắt hắn, như treo kín tất cả các bức tường. Những bức chân dung kinh khủng ấy cứ nhìn hắn trừng trừng, từ trên trần nhìn xuống, từ dưới sàn nhìn lên, căn phòng cứ rộng mãi ra, kéo dài mãi ra vô tận để chữa được hết sức nhiều những cặp mắt trăn trăn ấy. Người thầy thuốc nhận chữa cho hắn, đã cố hết sức tìm cho ra mối quan hệ bí ẩn giữa những ma quái vẫn hằng ám ảnh hắn với những sự kiện trong cuộc đời của hắn, nhưng vô hiệu. Bệnh nhân không hay biết và không cảm thấy gì nữa, ngoài những nỗi đau đớn thống khổ của hắn, và thường rú lên những tiếng khủng khiếp, những câu nói khó hiểu. Cuối cùng hắn tắt thở sau khi giãy giụa vì một cơn đau lúc này đã không biểu hiện được ra ngoài. Thi hài hắn nom rất thảm thương.

Của cái vô vàn của hắn không còn thấy vết tích đâu, nhưng cách sử dụng quái gở của nó còn thấy nơi những mảnh tác phẩm nghệ thuật giá trị bị xé

nát vụn.

Phần II

Từng dãy dài xe kiệu, xe mui, xe tứ mã, xe song mã đỗ trước thềm một tòa nhà, nơi đang có bán đấu giá những đồ đạc của một người thuộc loại những người giàu có ham chuộng mỹ thuật, sống một cuộc sống êm đềm, thiu thiu ngủ, giữa vô số những bức tượng Zephyr và Amor, những con người được tặng danh hiệu Mạnh Thường Quân của nghệ thuật một cách thực là ngây thơ, và ta đã tiêu phí một cách hiền lành số tiền triệu do ông cha đứng đắn chí thú gom góp lại cho, hoặc có khi do bản thân họ trước kia cần cù làm ăn kiếm ra được. Như ai nấy đều biết, những Mạnh Thường Quân ấy ngày nay không còn nữa, và thế kỷ XIX của chúng ta đã từ lâu khoác cái bộ mặt đáng buồn của một tên chủ ngân hàng chỉ sử dụng tiền triệu của mình dưới hình thức những con số sắp hàng trên giấy.

Gian phòng dài chật ních những khách thuộc đủ các hạng người từ khắp nơi kéo đến, như đàn quạ sà xuống một xác chết. Cả một binh đoàn nhà buôn Nga từ chợ Gostiny, thậm chí cả từ chợ tầm tầm, kéo đến, mình mặc áo dài màu xanh lam may kiểu Đức. Dáng dấp, vẻ mặt của họ ở đây như quả quyết hơn, ung dung hơn, ít có cái vẻ xun xoe, khúm núm như thường thấy ở một nhà buôn người Nga lúc đứng trong cửa hiệu trước mặt khách hàng. Ở đây, họ chẳng ngại ngùng gì hết, mặc dầu trong phòng cũng có rất nhiều nhà quý tộc mà giá gặp ở một nơi khác, họ đã sẵn sàng cúi chào sát đất, quét sạch những bụi bặm do chính đôi ủng của họ tha đến. Ở đây, họ hoàn toàn tự do, tha hồ sờ mó những cuốn sách, những bức tranh, để tìm hiểu giá trị món hàng và cả gan trả vượt cả giá các nhà chơi đồ cổ quý tộc. Ở đây, có rất nhiều vị khách quen đến xem bán đấu giá, những người đã quy định cho mình cái lệ ngày nào cũng đến đây xem thay cho bữa ăn sáng; những nhà quý tộc chơi đồ cổ coi mình có bốn phận không bao giờ được bỏ lỡ dịp may để bổ sung, làm giàu thêm cho bộ sưu tập của mình, vả lại họ không biết làm gì khác cho qua khoảng thời gian từ giữa trưa đến một giờ chiều, cuối cùng là những nhân vật quý phái, y phục thùng nát, túi nhẹ tênh,

họ đến đây hàng ngày, hoàn toàn không vụ lợi, chỉ để nhìn xem kết quả ra sao, ai trả hơn, ai trả kém, ai thắng giá và rốt cục ai mua được. Trong phòng, tranh treo la liệt không ra thể thức gì, tranh để lẫn cả với những đồ đạc và những cuốn sách có mang những chữ cái đầu tiên của chủ nhân, (chủ nhân chắc cũng chưa bao giờ nảy ra cái ý tò mò đáng khen mở sách ngó qua lấy một cái). Những lọ độc bình Tàu, những mặt bàn bằng cẩm thạch, những đồ đạc, mới có, cũ có, với những đường nét uốn cong những vuốt cầm thú, những con sư tử mình người, những cái chân sư tử thếp vàng hoặc không, những chùm đèn pha lê, những chiếc đế đèn dầu,... tất cả đều chất ngổn ngang, theo một trật tự rất khác với cái trật tự ở các cửa hàng buôn. Một cái gì như một đồng hồ những tác phẩm mỹ thuật. Và chẳng, cái cảm giác của chúng ta khi đứng trước một cuộc bán đấu giá là một cảm giác kinh hãi: trong đó có một cái tang tóc. Gian phòng nơi bán đấu giá bao giờ cũng u ám; các cửa sổ bị đồ đạc, bàn ghế, tranh ảnh, để chồng kèn choán lấp gần hết, chỉ để lọt rất ít ánh sáng người dự xem như cảm lạnh, người xướng giá gõ búa và cất giọng đưa ma đọc kinh báo tử cho những tác phẩm nghệ thuật đáng thương đã bất ngờ gặp nhau ở đây: chính tất cả những cái đó có lẽ đã làm tăng thêm cái cảm giác nặng nề khó chịu ấy.

Cuộc đấu giá hình như đang vào lúc sôi nổi nhất. Cả một đám đông nghịt những con người chân thực đang chen chúc nhau trả giá. Bốn bề nhao nhao vang lên những tiếng “rúp... rúp... rúp”, khiến người đứng bán không còn kịp nhắc lại các giá sau cùng nữa. Chưa chi giá đã tăng lên gấp bốn lần giá đặt ban đầu. Đám người sôi nổi tập trung quanh một bức chân dung mà ai dù chỉ hơi hiểu biết đôi chút thôi về hội họa cũng không thể không chú ý đến. Nhìn nét bút thấy rõ đây là một công trình của một bút vẽ kiệt xuất. Bức tranh, coi bộ như đã được tu sửa nhiều lần, là chân dung một người châu Á nào đó, nước da nâu sạm, mình khoác chiếc áo rộng thùng thình, vẻ mặt hết sức kỳ dị. Nhưng điều làm cho đám người đứng vây quanh kinh ngạc hơn cả là đôi mắt sinh động lạ thường. Càng nhìn, đôi mắt lại càng như xói sâu vào trong lòng mỗi người. Cái vật kỳ dị đó, cái thủ pháp phi

thường của hoạ sĩ đã thôi miên hết mọi người. Giá cả bức chân dung đã lên cao quá sức tưởng tượng, phần đông những người tham gia đấu giá bán đã bỏ cuộc. Chỉ còn hai nhà quý tộc nổi tiếng, rất ham hội hoạ, nhất quyết không chịu nhường nhau bức tranh kì dị này. Họ đã nóng mặt lên và hẳn giá bức chân dung sẽ vọt lên tới mức kinh khủng, nếu không có một người trong đám đông thốt nhiên nói:

— Xin phép hai người tạm dừng cuộc tranh chấp lại một lát. Có lẽ tôi là người có quyền được nhận bức tranh này hơn bất kỳ ai hết.

Nghe nói, lập tức cả đám đông chú ý quay lại nhìn một người trạc ba mươi lăm tuổi, dáng người thanh tú, mái tóc đen nhánh rủ xuống thành những vòng xoắn dài. Gương mặt dễ ưa, có cả vẻ vô tư lự, sáng sủa và tỏ rõ một tâm hồn không biết gì đến những lo âu nhức nhối của xã hội thượng lưu; tất cả đều cho thấy anh ta là một nghệ sĩ. Mà thực thế, người ấy là hoạ sĩ B, mà trong đám đông có một số người quen biết riêng.

— Tôi nói thế, có thể các ngài thấy có phần kỳ quái – hoạ sĩ B nói tiếp khi thấy mọi người chăm chú nhìn mình – nhưng nếu các ngài vui lòng nghe câu chuyện nhỏ sau đây, có lẽ các ngài sẽ thấy tôi nói như vậy là có lý do chính đáng. Tôi có đủ mọi cơ sở để tin chắc rằng đây chính là bức chân dung mà tôi đang tìm.

Một vẻ tò mò rất tự nhiên lộ rõ trên gương mặt mọi người, và ngay cả những người xướng giá cũng ngừng lại, tay vẫn giơ cao búa, miệng há hốc, háo hức lắng nghe. Khi câu chuyện mới bắt đầu, dù sao người ta cũng vẫn còn nhìn bức chân dung, nhưng về sau, càng ngày càng bị câu chuyện thu hút, mọi người đều nhìn đắm đắm vào người kể chuyện.

— Các ngài đều biết rõ cái khu vực là Kolomna trong thành phố này. Ở đây, cái gì cũng khác với những khu vực khác của thành phố Petersburg; đây không phải là thủ đô mà cũng chẳng phải là tỉnh nhỏ: bước vào đường phố khu Kolomna, người ta liền tưởng chừng như đã xoá bỏ xa hết mọi ước mơ của tuổi trẻ, mọi khát vọng. Tương lai không hề bước chân vào đây, tất cả chỉ là im lặng và co rút lại, là cận bã của cuộc sống huyền ảo của thủ đô. Đến đây ở có những viên chức về hưu, những bà quả phụ, những người

nghèo túng; có những chị nấu bếp đã thôi việc, suốt ngày lê đến các chợ tán gẫu với lão bán hàng xén, để rớt cuộc mua năm xu cà phê với bốn xu đường; tóm lại là tất cả các lớp người mà ta có thể gọi chung là: *người tro*. Hạng người mà quần áo, gương mặt, mái tóc, cặp mắt đều một màu xám như tro, màu sắc của một ngày trên trời không có giông bão mà cũng chẳng có nắng, người ta cảm thấy hết sức bồn chồn lúng túng; và kia, làn sương mù xen vào khiến cho vạn vật mất hết cả cái vẻ vững chắc. Có thể thêm vào đây là những người gác cổng soát vé ở rạp hát về hưu, những viên tư vấn danh dự về hưu, những môn đệ của Thần Chiến Tranh về hưu, chột mắt, môi xưng vếu. Tất cả những con người ấy giờ đây hoàn toàn không còn biết cảm xúc là gì: họ bước đi, mắt không trông thấy gì hết, họ nín lặng, đầu óc không hề nghĩ ngợi. Nhà họ ở rất ít khi có đồ đạc công kênh, đôi khi chỉ có vèn vện một chai rượu vốt ca nguyên chất, họ nhấp uống suốt ngày mà không hề thấy đầu bốc nóng như người ta vẫn thường thấy khi uống nhiều liền một lúc, như vẫn thấy ở anh chàng học viện người Đức vào ngày Chủ nhật, con người anh hùng chiếm lĩnh phố Meshchanskaya, lúc quá mười hai giờ đêm, một mình cần cả bề rộng của đường phố.

Cuộc sống ở Kolomna hiu quạnh đến phát sợ: ít khi thấy một chiếc xe song mã đi qua. Thảng hoặc đôi khi mới thấy chiếc xe lọc cọc của đám kếp hát qua đường, tiếng bánh xe lăn âm ỹ, tiếng hòm xe cọt két làm thành tiếng ồn áo duy nhất động bầu không khí im lặng trùm khắp khu này. Ở đây chỉ có người đi bộ; chiếc xe hàng đi qua đây thường không có khách, mà chỉ chở rơm về cho ngựa lông bờm xồm của nó. Có thể thuê được ở đây một căn phòng, với giá mỗi tháng năm rúp kể cả tiền cà phê sáng. Những bà quả phụ có tiền trợ cấp hàng tháng là những người quý phái nhất ở đây; họ ăn ở đứng đắn, quét tước buồng ở luôn, bàn cãi với bạn bè về giá thịt bò và bắp cải đất đỏ; bên cạnh họ thường có cô con gái, một con người còn ít tuổi, âm thầm, lặng lẽ, đôi khi trông cũng dễ thương và còn có cả một con chó bé xấu xí và một chiếc đồng hồ treo tường có chiếc quả lắc thong thả lắc qua lắc lại, tiếng kêu tích tắc, tích tắc buồn buồn. Rồi đến những anh kếp hát, lương ít không đủ để sống ở đâu khác ngoài khu Kolomna này: họ

là những con người phóng túng như tất cả các nghệ sĩ, họ sống để hưởng lạc. Họ cứ mặc nguyên cả áo ngủ ngồi chữa một khẩu súng tay, lấy bìa ra cắt cắt dán dán làm những đồ chơi nho nhỏ để dùng trong nhà, họ đánh cờ hay đánh bài với một người bạn, suốt buổi sáng cứ thế, rồi đến chiều tối cũng chẳng có gì khác cho lắm, hoạ chăng, thỉnh thoảng, có thêm một cốc rượu pân. Sau những nhân vật tai mắt và quý phái của Kolomna ấy, chỉ còn những hạng lép nhẹp, kể tên cho hết lớp người này ra cũng khó khăn như đếm hết cái mớ sâu bọ nhỏ li ti nở trong chai dấm để lâu ngày. Ở đây có những bà già suốt ngày đọc kinh, những bà già suốt ngày say rượu; những bà già sinh sống bằng những phương cách không sao hiểu nổi; như những con kiến, họ tha những mớ rẻ cũ rách và quần áo từ cầu Kalinkin đến chợ tầm tầm, để kiếm lấy mười lăm cô pếch; tóm lại, bọn họ thường là hạng cận bã của nhân loại, ở trong một hoàn cảnh mà một nhà kinh tế học có thiên chí nhất cũng không tìm ra được phương cách cứu chữa.

Tôi kể lại tất cả những điều trên, cốt để các vị hiểu tại sao những hạng người thường đôi khi buộc lòng phải cấp thiết tìm một sự cứu trợ, phải đi vay nợ. Thế là giữa đám người này xuất hiện một loại người cho vay lãi đặc biệt, hạng cầm đồ cho họ vay những món tiền nhỏ, lấy lãi rất nặng. Hạng người cho vay lãi cỡ nhỏ này còn nhẫn tâm gấp mấy lần hạng vay lãi cỡ lớn, vì họ nảy sinh ra trên một cái nền nghèo đói giữa những mớ rẻ rách phơi bày ra giữa ban ngày – cái cảnh tượng mà một anh chủ nợ cỡ lớn giao dịch toàn với hạng người đi xe song mã đến, không có dịp trông thấy. Vì thế, mọi tình cảm nhân đạo đã tắt đi quá vội vã trong trái tim họ. Trong số những kẻ cho vay lãi này, có một..., nhưng tôi cần nói để các ngài rõ rằng câu chuyện tôi đang kể đây xảy ra vào thế kỷ trước, nghĩa là hồi còn triều đại nữ hoàng Catherine Đệ Nhị. Các ngài cũng thừa hiểu rằng quang cảnh cũng như cuộc sống ở khu Kolomna từ bấy đến nay đã thay đổi nhiều. Vậy là trong số những kẻ cho vay lãi kia có một... một tay rất kỳ lạ về mọi phương diện, dọn đến ở khu này từ lâu. Hắn vẫn mặc một bộ y phục Á đông rộng thùng thình; nhìn nước da nâu sạm, biết hắn là người gốc gác ở phương Nam, nhưng đích xác là người nước nào – Ấn Độ, Hy Lạp hay Ba

Tư – thì không ai có thể nói chắc. Vóc người hăn cao lớn dị thường, gương mặt rám nắng hốc hác cháy xém một màu da kỳ dị, khó tả, cặp mắt hăn có một tia lửa lạ lùng, lông mày rậm rì, tất cả mọi nét ở hăn đều khác hăn với những con người màu tro ở khu Kolomna này. Ngay cả ngôi nhà hăn ở cũng không giống những căn nhà gỗ nhỏ bé ở xung quanh: một toà nhà kiến trúc bằng đá tương tự loại nhà xưa kia các thương gia thành Genoa vẫn thường xây rất nhiều, với những chiếc cửa sổ không đều, mỗi cái một khổ, những cánh cửa sắt và những chốt cửa to tướng. Chỉ riêng một điều sau này cũng đủ làm cho hăn khác bọn cho vay lãi khác: là hăn có thể cho vay những món tiền lớn đến bao nhiêu cũng được, và ai hỏi vay hăn cũng cho, từ một bà già đói rách cho đến một quan đại thần sống xa hoa như bậc đế vương. Thường có những cỗ xe cực kỳ sang trọng đỗ trước cửa nhà hăn, và có thể thoáng thấy một mệnh phụ ăn mặc lộng lẫy cúi người ngó qua cửa xe. Dư luận cho là trong rương hòm bọc sắt của hăn đầy ắp những tiền bạc, châu báu, kim cương và đủ các thứ đồ cầm nợ, tuy vậy, hăn tuyệt nhiên không có cái tính tham theo kiểu bọn cho vay lãi khác. Hăn rất sẵn lòng bỏ tiền ra cho vay và có vẻ như ấn định những thời hạn trả nợ rất dễ dàng cho người vay. Nhưng qua những phép tính kỳ quặc, tiền lãi vọt lên đến những con số khủng khiếp. Ít ra thì đấy cũng là lời người ta đồn đại. Nhưng có điều lạ lùng hơn cả khiến cho mọi người không khỏi xúc động, là cái số phận kỳ dị của tất cả những người đã vay tiền của hăn. Phải chăng đó chỉ là câu chuyện bịa của người đời, hay là những chuyện mê tín, hay những dư luận tung ra vì ác ý, cái đó đến nay vẫn chưa rõ. Nhưng có một số trường hợp xảy ra được mọi người trông thấy và chỉ trong một khoảng thời gian rất ngắn, là những sự việc có thật và đã gây được xúc động mạnh.

Trong giới quý tộc hồi ấy có một chàng thanh niên con nhà thế phiệt, đã rất nhanh chóng khiến mọi người phải chú ý đến vì ngay từ lúc còn ít tuổi đã tỏ ra xuất sắc trong các vấn đề quốc sự và có nhiệt tình bảo vệ tất cả những gì mà tài năng và trí tuệ con người sáng tạo nên: con người ấy hứa hẹn trở thành một Mạnh Thường Quân của nghệ thuật. Chẳng bao lâu chính nữ hoàng cũng chú ý tới anh ta và giao cho anh ta một chức vụ trọng yếu,

hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của anh ta, một chức vụ tạo điều kiện cho anh ta có thể làm rất nhiều điều có ích cho khoa học và nói chung là cho hạnh phúc con người. Vị đại thần trẻ tuổi nọ triệu tập xung quanh mình những họa sĩ, những nhà thơ, những nhà khoa học. Ông mơ ước có việc cho mọi người làm, khuyến khích được mọi người. Ông bỏ tiền ra cho xuất bản rất nhiều cuốn sách có ích, đặt làm nhiều tác phẩm nghệ thuật, tặng nhiều giải thưởng khuyến khích, tiêu tốn vào đấy những món tiền rất lớn và cuối cùng phá sản. Nhưng, vốn người hào hiệp, ông không muốn bỏ dở việc đang làm, ông tìm cách vay tiền và cuối cùng, đến hỏi vay lão cho vay lãi nói trên. Sau khi vay của lão nọ một số tiền cực lớn, ông ta đột nhiên thay đổi hẳn, và chỉ trong một thời gian ngắn, ông ta thành một kẻ chuyên hãm hại mọi phát triển của trí tuệ và tài năng. Nhìn bất cứ tác phẩm nào, ông ta cũng chỉ thấy có mặt xấu, nghe bất cứ lời nói nào, cũng hiểu lệch đi.

Chẳng may vừa khi ấy lại nổ ra cuộc Cách mạng Pháp. Sự kiện này trở thành một vũ khí để ông ta thực hiện nhiều việc hết sức bỉ ổi. Nhìn đâu ông ta cũng thấy có những khuynh hướng cách mạng, ở đâu cũng tưởng tượng thấy những lời ám chỉ. Ông ta đâm ra đa nghi quá quắt, đến nỗi nghi ngờ cả chính mình, viết những bức thư tố giác, bịa đặt, giả mạo, kinh khủng khiến biết bao nhiêu người khổ sở. Lẽ dĩ nhiên là những hành động đó rốt cục cũng đến tai triều đình. Nữ hoàng rất đổi kinh ngạc. Viên đại thần phụ mọi lòng tin cậy đã bị trừng trị đích đáng và bị giáng chức. Nhưng còn có một thứ hình phạt khủng khiếp hơn nhiều, lộ rõ trên gương mặt của đồng bào. Đó là lòng khinh miệt sâu sắc của mọi người. Không sao tả xiết nỗi đau khổ trong tâm hồn con người hiếu danh ấy: lòng kiêu hãnh bị lãng nhục, tham vọng bị tiêu tan, bao nhiêu hy vọng sụp đổ – tất cả kết hợp lại thành một nỗi thống khổ vô biên và cuộc đời ông ta đã kết liễu sau những cơn điên loạn khủng khiếp.

Một trường hợp tiêu biểu nữa cũng đã xảy ra trước mặt mọi người. Trong số các giai nhân vốn có rất nhiều ở thủ đô phương Bắc của chúng ta, có một người đẹp vượt hẳn lên hơn tất cả. Nàng là một sự hoà hợp kỳ diệu giữa vẻ đẹp phương Bắc của chúng ta với vẻ đẹp miền Nam, một viên kim cương

hiếm có trên đời. Cha tôi thú thật rằng suốt đời người chưa hề thấy một người đàn bà nào có nhan sắc lộng lẫy đến thế. Hình như ở nàng thân gồm được tất cả: giàu có, thông minh, tâm hồn đẹp đẽ. Số người ngấp nghé cầu hôn đông lắm, nhưng đáng chú ý hơn cả có công tước R., người đáng quý nhất, có trái tim đẹp đẽ nhất trong đám các chàng trai trẻ có dung mạo tuấn tú, tâm hồn chan chứa những cảm xúc hào hiệp của một trang mã thượng anh hùng, thật là nhân vật lý tưởng của những thiên tiểu thuyết, người yêu lý tưởng mà phái đẹp thường mơ ước – một Grandison về đủ mọi phương diện.

Công tước R. yêu nàng thiết tha, say đắm, và cũng được nàng yêu lại nồng nàn không kém. Nhưng gia đình nàng lại cho là công tước R. không xứng đáng. Những đất tập ấm của công tước đã chuyển qua tay người khác từ lâu, dòng họ công tước bị ghét bỏ, và cảnh làm ăn sa sút của công tước, mọi người đều biết rõ. Bỗng nhiên, công tước R. vắng mặt ở thủ đô, như để đi thu xếp việc nhà, và chỉ ít lâu sau lại trở lại, xuất hiện giữa một không cảnh sinh hoạt xa hoa chưa từng thấy. Những bữa tiệc chiêu đãi, những cuộc khiêu vũ lộng lẫy đã khiến thanh thế công tước R. vang đến tận triều đình. Ông cụ thân sinh ra vị giai nhân nọ đã xiêu lòng và đám cưới hai người liền được tổ chức tại thủ đô, cực kỳ sang trọng.

Vì đâu có sự thay đổi như vậy và tại sao chàng rể lại trở nên giàu có đến thế, thực không ai có thể cắt nghĩa được: nhưng chỗ này chỗ kia có người khác nhau rằng công tước R. đã vay tiền của lão chủ nợ kỳ khôi nọ và đã chịu nhận một số điều kiện. Chỉ biết là đám cưới này đã khiến cả thành phố xôn xao. Ai nấy đều phải ganh tị với chú rể và cô dâu. Mỗi tình nồng nàn chung thủy của họ, những nỗi nhớ nhung chờ đợi đau khổ đứt ruột mà hai người đã phải chịu đựng trong thời gian xa cách nhau, mọi người đều biết rõ. Những người phụ nữ giàu tưởng tượng đã hình dung cuộc sống thiên đường mà cặp vợ chồng trẻ nọ sẽ được hưởng.

Nhưng sự thể diễn ra lại khác hẳn. Ngay năm đầu tiên, tính tình người chồng đã thay đổi một cách ghê gớm. Cái chất độc của lòng ghen tuông ngờ vực, tính khắt khe và thói hay dờ dẫm bất thường đã đầu độc cái tính

cách hết sức cao quý, đẹp đẽ xưa kia của người chồng. Anh ta trở thành một kẻ tàn bạo, ra sức hành hạ vợ, và điều mà không ai có thể ngờ tới là anh ta đã có những hành vi vô nhân đạo nhất, thậm chí đánh đập vợ. Chỉ một năm sau đã không còn ai có thể nhận ra người đàn bà mới ngày nào còn đẹp lộng lẫy, có biết bao nhiêu là kẻ tôn thờ ngoan ngoãn theo sau. Cuối cùng, không sao chịu nổi cuộc sống đầy đoạ, người vợ đã đứng lên đòi ly dị trước. Chỉ một ý nghĩ ấy thôi, anh chồng đã phản kháng. Trong cơn thịnh nộ, anh ta cầm dao đẩy cửa xông vào phòng vợ và nếu không có người kịp giữ lại, chắc anh ta đã đâm chết vợ. Đang cơn điên dại, anh ta quay mũi dao tự đâm mình và chết sau những cơn đau đớn khủng khiếp.

Ngoài hai trường hợp mà mọi người đều biết rõ, người ta còn kể lại rất nhiều trường hợp xảy ra ở các lớp người thấp hơn, hầu hết đều kết thúc một cách bi thảm. Khi thì một con người chân thực vẫn sống điều độ bỗng đâm ra rượu chè bê tha; khi thì một anh thư ký cửa hàng buôn ăn cướp của chủ, hoặc một anh đánh xe chở thuê từ bao nhiêu năm vẫn làm ăn lương thiện, bỗng dưng giết khách đi xe chỉ để cướp lấy vài xu. Những sự việc như vậy, đôi khi người ta kể lại còn thêm thắt vào không khỏi làm cho những người dân chất phác ở khu Kolomna bất giác kinh hãi. Ai nấy đều tin chắc rằng trong con người ấy có một con quỷ ám ảnh. Người ta kháo nhau rằng trước khi cho vay, hẳn đưa ra những điều kiện nghe mà rợn cả tóc gáy, và về sau, con người khốn nạn đã chịu nhận những điều kiện ấy không bao giờ dám nói lại cho người khác biết; rằng tiền của hẳn có sức hút như nam châm, những đồng tiền vàng tự dưng nóng chảy lên, và trên mặt có những dấu hiệu kỳ dị... Nói tóm lại, người ta đồn đủ thứ chuyện hoang đường. Và có một điều đáng chú ý là tất cả dân khu Kolomna, cả cái đám những bà già nghèo xơ xác, những viên chức quèn, những anh kép hát mặt hạng, tóm lại, cả cái đám hèn mọn mà chúng ta vừa đếm qua đều thà chịu đựng tất cả, chịu sống khổ sở đến cùng cực chứ nhất định không chịu đến vay tiền con người đáng sợ ấy; người ta còn thấy có những bà già chết đói nhưng thà để xác chết còn hơn để chết linh hồn. Gặp hẳn ở ngoài đường phố, người ta không sao nén được cảm giác kinh hãi. Người đi bộ cần thận tránh xa và

sau đó ngoái lại hồi lâu nhìn theo cái bóng dáng cao lênh khênh ấy khuất dần ở phía xa. Riêng một cái dung mạo của hãn cũng đã có cái gì phi thường khiến ai nấy, dù muốn hay không đều phải thấy ở nơi hãn có một cái gì siêu nhiên. Những nét mặt mạnh mẽ, khắc quá sâu chưa từng thấy ở con người bình thường cái hơi nóng ở nước da màu đồng đỏ, đôi lông mày rậm lạ thường, đôi mắt khủng khiếp không sao chịu nổi, ngay cả những nếp gấp rất rộng của chiếc áo Á đông hãn mặc – tất cả đều như để lộ những khát vọng đang âm ỉ trong cái cơ thể ấy và so với nó tất cả những khát vọng của người thường đều mờ nhạt, vô nghĩa.

Mỗi lần gặp hãn, cha tôi đều đứng sững ra, và không sao nén nổi kinh ngạc, ngời thốt lên: “Một con quý, đích thân con quý!”

Nhưng tôi cần phải giới thiệu ngay cha tôi với các ngài, vì xin nói thực chính người mới là vai chính trong câu chuyện này. Cha tôi là một người lỗi lạc về nhiều phương diện: một nghệ sĩ hiếm có, một trong những con người kiệt xuất chỉ có nước Nga mới có thể sản sinh ra được, một họa sĩ tự học, một người, chỉ tự đáy tâm hồn mình, chẳng học trường nào, chẳng có thầy nào dạy, đã biết tìm thấy những quy tắc và những luật lệ, chỉ say sưa với khát vọng nâng cao tài nghệ của mình và đi theo con đường chỉ do tâm hồn mình vạch ra, vì những lý do gì, có lẽ chính bản thân người cũng không biết rõ: một trong những tài năng kiệt xuất tự nhiên mà những người đương thời gọi một cách miệt thị là “dốt nát”, những tài năng mà lời nhạo báng cũng như những thất bại ê chề không những không hề làm nguội lạnh, mà còn tôi luyện thêm cho nó nhiệt tình và sức mạnh mới, vì trong tâm hồn, họ đã vượt rất xa những tác phẩm đã khiến người ta gấn cho họ hai chữ “dốt nát”. Cái bản năng cao thượng bên trong đã cho cha tôi linh cảm thấy trước là trong mỗi sự vật đều có tư tưởng: ông đã tự mình thấu hiểu được ý nghĩa chân chính của danh từ “hội họa lịch sử”; ông đã thấu hiểu được tại sao chỉ một cái đầu nhỏ, một bức chân dung bình thường do Raphael, Leonardo da Vinci, Titian, Corregge vẽ, lại có thể coi như một tác phẩm hội họa lịch sử, và tại sao một bức tranh to tướng có nội dung lịch sử có thể chỉ là một *tableau de genre*^[6], bất chấp mọi tham vọng về tranh lịch

sử của tác giả. Một trái tim giàu tình cảm với một lòng tin kiên định đã hướng cha tôi chọn những đề tài thiêng liêng, bậc thang cao nhất, bậc thang cuối cùng của điều chí cao hoàn mỹ. Cha tôi không có tính hiếu danh cũng như tính hay cáu gắt, vốn là những nét cố hữu trong tính cách của nhiều họa sĩ. Một con người cương nghị, trung trực, thẳng thắn, thậm chí còn lỗ mãng nữa, một con người che dưới cái vỏ bề ngoài khá xù xì một chút tự hào trong tâm hồn và xét người khác vừa khoan dung, vừa nghiêm khắc. “Mặc họ, – cha tôi thường nói, – tôi làm việc có phải vì họ đâu. Tranh tôi vẽ không phải để treo trong phòng khách, mà để treo trong nhà thờ. Ai hiểu tôi sẽ cảm ơn tôi, người không hiểu cũng không vì thế mà bớt cầu nguyện. Ai lại đi trách người ham ăn chơi là không hiểu hội họa? Bù vào đấy, họ đã thạo đánh bài, đã biết đâu là rượu ngon, ngựa tốt. Ví phỏng họ lại nhúng tay vào việc này việc nọ, rồi bắt đầu có ý kiến, ấy thế là sẽ không sao sống nổi với họ! Mỗi người có một lĩnh vực riêng, ai hãy lo phần nấy. Tôi thích người nào nói thẳng là mình chẳng hiểu tí gì còn hơn là kẻ giả dối, không biết lại cứ bảo là biết, và chỉ làm hỏng hết mọi việc.” Cha tôi làm việc tốt, với giá tiền công ít ỏi, vừa đủ để nuôi gia đình và có phương tiện làm việc. Ngoài ra, người không bao giờ từ chối giúp đỡ một ai, sẵn sàng giúp đỡ một họa sĩ nghèo; người có lòng tin, lòng tin chất phác đầy thiện ý của ông cha ngày xưa và có lẽ chính vì thế cho nên những khuôn mặt người vẽ, tự nhiên có được cái thần sắc cao cả mà ngay cả những tài năng lỗi lạc chật vật mãi cũng không vẽ được. Cuối cùng, nhờ có chí kiên nhẫn, làm việc cần cù và một lòng kiên định không gì lay nổi quyết tâm đi theo con đường mình đã chọn, cha tôi đã bắt đầu được ngay cả những người trước kia đã từng gọi cha tôi là dốt nát, là thợ vườn, kính trọng. Cha tôi luôn luôn được nhà thờ đặt vẽ tranh, không bao giờ hết việc làm. Có một bức vẽ đặc biệt thu hút tâm lực của người. Tôi không còn nhớ đích xác đề tài bức vẽ ấy là gì, tất cả tôi chỉ biết là trong bức vẽ ấy cần phải có một con ác quỷ. Người suy nghĩ rất lâu về hình ảnh để mô tả nó, người muốn cụ thể hoá trên gương mặt nó tất cả những cái gì đè nén áp bức con người. Đôi khi trong những lúc ngẫm nghĩ như vậy, hình ảnh lão già cho vay nợ lãi kỳ dị nọ

thoáng qua trong đầu óc người, và bất giác người thầm nghĩ: “Đấy, phải lấy nó làm hình mẫu để vẽ quỷ Satan.”

Các ngài thử hình dung cha tôi kinh ngạc nhường nào khi, một hôm, đang ngồi làm việc trong xưởng hoạ, cha tôi bỗng nghe có tiếng gõ cửa, và thấy lão già cho vay nợ lãi khủng khiếp kia không chờ đợi gì hết, bước thẳng vào. Cha tôi không sao nén nổi một cảm giác rờn rợn chạy khắp sống lưng, khiến người bất giác rùng mình.

— Anh là hoạ sĩ phải không? – hẳn hỏi ngay cha tôi như vậy, chẳng chào hỏi gì hết.

— Phải – cha tôi bối rối đáp lại, vừa chờ xem sao.

— Tốt lắm. Anh hãy vẽ chân dung tôi. Tôi có lẽ cũng sắp chết; tôi không có con; nhưng tôi không muốn chết hẳn, tôi muốn sống. Anh có thể vẽ sao cho tôi trong bức chân dung trông như người đang sống thật không?

Cha tôi nghĩ bụng: “Càng hay! Đấy hẳn tự nguyện đến làm mẫu cho ta vẽ quỷ Satan, để đưa vào bức tranh của ta.” Cha tôi nhận lời. Hai người thoả thuận với nhau về thời gian, giá cả; và ngày hôm sau, cha tôi cầm bút vẽ và bảng trộn màu đến nhà hẳn. Một cái sân có tường cao bao bọc, một đàn chó, những cánh cửa và những chốt cửa bằng sắt, những vòm khum trên các cửa sổ, những con người kỳ dị, ngồi im không nhúc nhích trước mặt, tất cả những cái đó đều gieo vào lòng cha tôi một ấn tượng lạ lùng. Như có dụng ý, các cửa sổ ở dưới lều căng rèm và chõng chất nhiều đồ đạc nên ánh sáng chỉ có thể lọt vào từ phía trên xuống.

“Chà, gương mặt nó lúc này được chiếu sáng rõ tuyệt!” – Cha tôi nghĩ thầm trong bụng và háo hức bắt tay vào vẽ như thể sợ cái gì làm cho ánh sáng tuyệt diệu kia biến mất chẳng. Vừa làm, cha tôi vừa lẩm nhẩm nhắc đi nhắc lại: —”Một sức mạnh phi thường! Nếu ta vẽ được đó, dù chỉ một nửa cái thần sắc của nó lúc này thôi, nó cũng sẽ đánh bật các vị thánh và các thiên thần của ta; để bên cạnh nó, những nhân vật kia sẽ mờ nhạt hết. Một sức mạnh ma quái lạ! Nếu ta trung thành với tự nhiên chỉ một ít thôi nó cũng sẽ chồm hẳn ra ngoài tấm vải. Những nét mặt mới kỳ dị làm sao!”

Cha tôi không ngừng nhắc thằm trong bụng, người sốt sắng làm việc gấp bội và chưa chi chính người đã nhìn nhìn thấy một số nét trở nên rất sinh động trên tấm vải.

Nhưng càng xích lại gần con người mẫu, cha tôi càng thấy có một cảm giác nặng nề day dứt mà người không hiểu được. Tuy vậy, cha tôi vẫn quyết bám sát thật chính xác từng nét nhỏ khó thấy nhất, từng biểu hiện thoáng qua. Và trước hết cha tôi chuyên tâm vào thể hiện đôi mắt cho hoàn hảo. Trong đôi mắt ấy có một sức mạnh phi thường đến nỗi ngay nghĩ đến việc truyền đạt nó đúng như trong tự nhiên cũng không có thể được. Tuy nhiên, cha tôi vẫn quyết định không để bỏ qua từng đường nét nhỏ, hoặc những sắc thái tinh vi nhất, cố khám phá cho bằng được cái bí ẩn của đôi mắt ấy... Nhưng cha tôi vừa bắt đầu đi sâu, vừa đưa bút vào mô tả những nét đó thì trong lòng bỗng thấy trào lên một cảm giác kinh tởm lạ lùng, một sức nặng khó hiểu xô xuống đè trĩu lên cha tôi, khiến đã nhiều lần người phải buông bút nghỉ một lúc rồi mới tiếp tục vẽ. Cuối cùng, cha tôi không tài nào chịu được nữa: người cảm thấy đôi mắt ấy xói sâu vào tâm hồn mình gây nên một sự hỗn độn kinh khủng. Hôm sau, hôm sau nữa, cảm giác đó chỉ càng lớn lên, mạnh mẽ hơn. Cha tôi sợ quá. Người bỏ bút và từ chối dứt khoát không vẽ tiếp. Thực không hình dung được nỗi kinh hoàng của lão cho vay nợ lãi khi nghe cha tôi nói. Lão sụp xuống chân cha tôi, khẩn khoản van xin người vẽ cho xong bức chân dung, nói rằng số mệnh và sự tồn tại của lão trên đời này hoàn toàn lệ thuộc vào bức tranh, rằng bút vẽ đã chạm đến những nét sống của lão, và nếu họa sĩ truyền đạt thật trung thành nét mặt lão thì, sinh mệnh lão sẽ được một sức mạnh siêu nhân duy trì lại trong bức chân dung, nhờ đó lão sẽ không chết hẳn, mà lão thì rất cần có mặt trên đời này. Nghe nói, cha tôi kinh hãi khôn xiết: những lời lão nói kỳ quặc quá, khủng khiếp quá, khiến cha tôi quăng cả bút vẽ lẫn bảng trộn màu, ba chân bốn cẳng chạy về. Suốt ngày suốt đêm hôm ấy, những câu nói của lão già không ngớt ám ảnh cha tôi. Sáng hôm sau, cha tôi thấy lão ta sai một người đàn bà đưa bức tranh đến trả lại, người đàn bà này là người duy nhất còn ở lại hầu hạ lão ta, được chủ mụ sai đến nói là lão không cần tranh

nữa, lão sẽ không trả tiền công và gửi lại bức vẽ. Ngay tối hôm ấy, cha tôi được tin lão ta chết, và sắp mai táng theo nghi lễ tôn giáo của lão. Tất cả những cái này cha tôi thấy lạ lùng khó hiểu quá.

Và cũng từ dạo ấy, tính tình cha tôi thay đổi rất nhiều. Người lúc nào cũng thấy hồi hộp lo âu, điều mà bản thân người cũng không hiểu rõ vì sao, và chỉ một thời gian ngắn sau, cha tôi đã làm một việc mà không ai có thể ngờ tới: Ít lâu sau, tác phẩm của một người học trò cha tôi bắt đầu làm cho một số ít người am hiểu hội hoạ và thích chơi tranh chú ý. Xưa nay, cha tôi vẫn tin tưởng ở tài năng của anh ta, do đó vẫn có thiện cảm đặc biệt đối với anh ta. Thế mà, bỗng nhiên, bây giờ cha tôi lại cảm thấy ghen ghét người học trò của mình. Thấy mọi người có cảm tình đối với anh ta và bàn tán nhiều về anh ta, cha tôi hậm hực không sao chịu nổi. Bực hơn nữa là cha tôi biết được anh học trò nọ được mời đến vẽ tranh thánh cho một ngôi nhà thờ giàu có sắp xây. Tin đó khiến cha tôi phát khùng, người nói: “Không, ta sẽ không để cho thằng nhãi ranh ấy đắc thắng. Nó còn hơi sữa, chưa đê đầu nổi bọn già đâu! Đội ơn Chúa, gân cốt ta còn vững. Để rồi xem ai cười sau cùng!”

Thế là con người chân thực và liêm khiết ấy lao vào dùng những mưu mô thủ đoạn hèn hạ mà xưa nay chính mình vẫn ghê tởm; cuối cùng, cha tôi vận động được người ta mở cuộc thi cho phép tất cả các hoạ sĩ khác đều có thể đem tác phẩm vẽ về đề tài dùng cho ngôi nhà thờ mới để chọn. Sau đó, cha tôi đóng cửa lại, hăng hái bắt tay vào vẽ. Hình như cha tôi muốn dồn hết cả tâm lực, cả con người của mình vào bức tranh. Quả nhiên lần ấy, cha tôi đã vẽ được một tác phẩm ưu tú nhất của người.

Khi các tranh dự thi được trưng bày, so với bức của cha tôi, những bức khác chẳng khác nào cú đọ nàng tiên. Nhưng bỗng có một người trong hội đồng giám khảo, một vị linh mục, nếu tôi không lầm, đưa ra một lời nhận xét khiến mọi người sửng sốt. Người đó nói: “Bức tranh này quả có chứng tỏ một tài năng lỗi lạc, nhưng các nhân vật trong tranh không có cái vẻ thiêng liêng mà trái lại, trong cặp mắt các nhân vật ấy đều có một cái gì ma quái, như thể đã có bàn tay một ác quỷ hướng dẫn cây bút của hoạ sĩ.” Nhìn

kỹ lại, mọi người đều thấy lời nhận xét trên là đúng. Cha tôi chạy xô lại gần bức tranh như để tự mình kiểm nghiệm lại lời chê bai lăng mạ đó, và người kinh hãi nhận ra rằng mình đã gắn đôi mắt của lão già cho vay nợ lãi vào hầu hết các nhân vật trong tranh. Con mắt nhìn của những nhân vật ấy đều có một cái gì ma quái, phá phách, đến nỗi cha tôi cũng phải rùng mình. Bức tranh bị gạt đi, và cha tôi càng căm tức vô hạn khi nghe tin người học trò mình đã thắng cuộc. Không thể nào tả xiết nỗi điên tức của cha tôi khi trở về nhà. Thiếu chút nữa người đã đánh mẹ tôi, người đuổi hết con cái ra khỏi nhà, bẻ gãy đám bút lông, giá vẽ và giật bức chân dung lão già treo trên tường xuống, sai lấy con dao và nhóm lửa trong lò, định cắt vụn bức chân dung ra từng mảnh và vứt nó vào lửa. Vừa lúc ấy có một người bạn bước vào, người này cũng là họa sĩ, một con người rất vui tính, lúc nào cũng bằng lòng với mình, không bao giờ có những ước vọng xa xôi, làm việc gì cũng vui vẻ, và càng vui vẻ hơn nữa khi ngồi vào bàn, đánh chén.

— Anh làm gì thế? Anh định đốt cái gì thế? – người bạn vừa nói vừa chạy lại gần bức chân dung – Thế nào, đây là một tác phẩm ưu tú nhất của anh kia mà! Lão cho vay lãi vừa mới chết đây mà, một trong những công trình hoàn hảo nhất! Có thể nói anh đã chộp đúng được đôi mắt, không sai tí nào! Chưa bao giờ có đôi mắt nào có được cái nhìn như đôi mắt anh vẽ này.

— Đây! thì xem vào lửa nó nhìn thế nào – cha tôi vừa nói vừa toan vứt bức tranh vào lò sưởi.

— Đừng vứt, tôi van anh! – người bạn vừa kêu lên ra giữ tay cha tôi lại, – nếu anh không nhìn được nó, thì cho tôi còn hơn.

Cha tôi lúc đầu một mực không nghe, nhưng rồi cũng nhượng bộ, và thế là ông bạn vui tính rất mừng vì gặp dịp may, cắp bức tranh ra về.

Người bạn vừa đi khỏi là cha tôi thấy trong lòng thư thái hẳn đi. Cứ như có ai cắt đi cho hòn đá vắn dè trĩu trên trái tim. Chính cha tôi cũng lấy làm lạ không hiểu sao vừa qua mình lại có thể ghen tỵ, hằn học và thay đổi tính tình như thế. Ngẫm lại việc mình đã làm, cha tôi thấy hết sức khổ não, người thốt lên, lòng vô cùng buồn bã: “Đây là Chúa trừng phạt ta; tranh của

ta bị phi nhõ là đáng. Ta vẽ nó ra với ý định làm hại người khác. Lòng ghen tị ma quái đã hướng dẫn cây bút của ta, tất nhiên bức tranh phải phản ánh lên một cái gì ma quái.” Cha tôi lập tức đi tìm người học trò cũ, ôm chầm lấy anh ta, xin anh tha thứ và cố tìm đủ cách để chuộc lại lỗi lầm. Công việc của cha tôi lại tiếp tục tiến hành êm dịu như cũ, nhưng gương mặt người thường lộ vẻ đăm chiêu. Cha tôi cầu nguyện nhiều hơn trước, nhiều lúc ngồi lặng thinh; khi phê phán người khác cũng bớt gay gắt; ngay cả cái tính cách lỗ mãng bề ngoài của người cũng dường như vì thế mà dịu bớt đi một phần. Được ít lâu, một việc xảy ra khiến cha tôi càng thêm bối rối. Đã lâu cha tôi không gặp lại người bạn xin bức chân dung độ nọ. Cha tôi đã định đến thăm thì đột nhiên thấy ông ta bước vào phòng. Sau mấy câu chào hỏi lẫn nhau, người bạn nói:

— Này anh bạn ạ, hồi đấy anh định đốt bức chân dung đi, có lẽ thế mà phải đấy... Ma quỷ chẳng bắt nó đi chứ bức tranh ấy có một cái gì đến kinh khủng... Tôi không hề tin chuyện ma quái, phù thủy, nhưng tôi phải nói, còn tin hay không, tùy anh, là có con quỷ ở trong bức tranh ấy...

— Ở bằng cách nào? – Cha tôi hỏi.

— Bằng cách mà từ ngày đem bức tranh về treo trong phòng, tôi cứ có một cảm giác nôn nao... như thể tôi sắp đâm giết ai. Suốt đời tôi chưa biết thế nào là mất ngủ, thế mà từ bấy giờ, không những tôi không ngủ được mà lại còn thấy nhiều giấc chiêm bao ghê sợ nữa... Chính tôi cũng không biết đấy là những giấc chiêm bao hay là cái gì khác: cứ như thể bị bóng đè, lúc nào cũng mơ màng tượng thấy lão già chết tiệt ấy ám ảnh. Tóm lại tôi không biết nói thế nào cho anh hiểu cái tâm trạng ấy. Thật tôi chưa bao giờ bị như thế. Suốt mấy ngày ấy, tôi cũng đi lang thang như người điên; tôi thấy sợ một cái gì không rõ nữa, tâm trạng tôi nặng nề như đang chờ đợi một chuyện gì sắp xảy ra. Và chỉ từ dạo đem bức chân dung cho người cháu họ, hẳn ta cứ năn nỉ xin, tôi mới cảm thấy như có ai cất đi cho tảng đá vẫn đè nặng trên vai, như anh cũng đã thấy đấy, tôi thấy mình vui vẻ trở lại như xưa. Này, anh bạn ạ, anh đã tạo ra một con quỷ ghê thật.

Cha tôi hết sức chăm chú lắng nghe và cuối cùng, hỏi lại: “Thế mà bức tranh ấy, bây giờ người cháu anh đang giữ phải không” – “Còn đâu nữa! Hẳn ta cũng không chịu nổi nổi – ông bạn vui tính nói – Cứ như hồn lão già đã nhập vào bức chân dung; lão từ trong khung nhảy ra đi bách bộ trong phòng; những điều cháu tôi kể lại thật không thể nào tưởng tượng được. Ví thử chính bản thân tôi chưa được nếm mùi ít nhiều thì tôi đến cho là anh ta hoá điên. Anh ta đã đem bán cho người chơi tranh nào đó, nhưng người này cũng không kham nổi nổi và đã đem bán tống nó đi rồi.” Câu chuyện này khiến cha tôi rất xúc động. Người suy nghĩ rất lung, trong lòng u uất, và cuối cùng người đình ninh tin chắc rằng bút vẽ của mình đã giúp tay nổi giáo cho con quý, và bằng cách nào đó, một phần cuộc sống của lão cho vay lãi quả là đã chuyển vào bức chân dung, bây giờ nó quấy nhiễu hết người này đến người khác, gợi lên trong lòng họ những dục vọng quý quái, lôi kéo người nghệ sĩ ra khỏi con đường thẳng, làm nảy sinh lòng ghen tỵ, dẫn vật ghê gớm, vân vân... Sau đó, liên tiếp ba thảm hoạ, ba cái tang đột ngột đáng xuống đầu cha tôi: tang vợ, con gái, và con trai út còn nhỏ tuổi. Người cho đó là hình phạt của Chúa và quyết định xa lánh cuộc đời phồn hoa. Tôi vừa tròn chín tuổi thì cha tôi gởi tôi theo học trường hoạ; người trang trải nợ nần rồi đến ở một tu viện hẻo lánh và, ít lâu sau chịu lễ gia nhập dòng tu sĩ. Ở tu viện, với nếp sống khổ hạnh, và tinh thần tuân thủ hết sức triệt để những quy chế của tu viện, cha tôi đã khiến cho cả dòng tu phải thán phục. Cha bề trên cũng không muốn nài ép. Cha tôi tự ý hết sức làm cho cuộc sống khắc khổ của tu viện càng thêm khắc khổ đối với mình. Cuối cùng, người thấy ngay cuộc sống như vậy vẫn chưa đủ, vẫn còn êm dịu quá. Sau khi được cha bề trên ban phép lành, người đi đến một nơi hoang vắng để sống hoàn toàn một mình. Người lấy cành cây dựng một túp lều, ăn chỉ toàn rễ cây song, ghè lưng khuân những tảng đá lớn hết chỗ này sang chỗ khác, đứng im một chỗ từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn, miệng không ngớt lời cầu nguyện. Tóm lại, cha tôi tự ý nghĩ ra đủ cách để dày đoạ thể xác, bắt mình phải chịu sự hy sinh đến cực độ, hoạ chăng chỉ có thể tìm thấy trong cuộc đời của các thánh. Cứ như vậy, suốt mấy năm ròng, cha tôi làm cho thân thể mình kiệt quệ đi, đồng thời, bằng những lời cầu nguyện có

sức hồi sinh, làm cho nó mạnh thêm. Cuối cùng, một hôm người trở về tu viện, quả quyết thưa với cha bề trên: “Bây giờ con đã sẵn sàng. Nếu ý Chúa muốn, con sẽ hoàn thành được công việc.”

Đề tài cha tôi chọn là cảnh chúa Jesus giáng sinh. Trong suốt một năm, cha tôi không làm việc gì khác, không ra khỏi phòng ăn, ăn uống rất đạm bạc, chỉ vừa đủ để sống, luôn luôn cầu nguyện. Sau một năm, bức tranh vẽ xong. Thật là một kỳ quan của nền hội họa. Cũng cần phải nói rằng cha bề trên cũng như các tu sĩ không có ai hiểu biết gì nhiều lắm về hội họa, nhưng mọi người đều kinh ngạc về cốt cách thần thánh dị thường ở các nhân vật. Cái phong độ dịu dàng và nhẫn nhục cao quý trên gương mặt Đức Mẹ đồng trinh đang cúi xuống nhìn Chúa Hài đồng, cái thôi minh chí cao trong đôi mắt của chúa Jesus lúc nhỏ, như đã nhìn thấy trước tương lai, sự im lặng trang nghiêm trong cảnh các vua pháp sư phủ phục dưới chân Chúa, kinh ngạc trước phép màu tuyệt diệu và cuối cùng là cái tinh mịch thiêng liêng, khó tả bao trùm lên toàn bộ bức tranh, tất cả đượm nhuần một sức mạnh điều hoà quá, một vẻ đẹp hùng vĩ quá khiến cho ấn tượng nó gây nên thật kỳ diệu. Tất cả các tu sĩ đều quỳ xuống trước bức tượng thánh, và cha bề trên cảm động thốt lên: “Không, chỉ với nghệ thuật của con người thôi thì một người không thể nào sáng tạo nên được một bức tranh như thế này: bàn tay thiêng liêng của Chúa đã hướng dẫn cây bút của con và phép lành của Người đã thấm vào tác phẩm của con.” Hồi đó, tôi vừa tốt nghiệp trường Mỹ thuật, tôi được thưởng một huy chương vàng và có triển vọng tươi đẹp sẽ được đi du lịch sang Ý, cái ước mơ đẹp nhất của một họa sĩ hai mươi tuổi. Tôi chỉ còn phải đến từ biệt cha tôi, mà đã mười hai năm nay tôi không được gặp. Xin thú thực, ngay đến hình ảnh của người cũng đã từ lâu phai nhoà trong ký ức tôi. Tôi đã được nghe nói ít nhiều về cuộc sống khổ hạnh chân tu của cha tôi và tôi đã hình dung ra trước một vị ẩn sĩ khắc khổ, xa lạ với sự vật trên trần thế, chỉ biết căn phòng với cầu nguyện, người hốc hác, khô đét đi vì nhịn ăn lâu mãi và những buổi thức đêm. Nhưng tôi kinh ngạc biết chừng nào khi thấy trước mặt mình là một ông cụ già quắc thước lạ thường, tiên phong đạo cốt! Không một dấu vết suy nhược nào trên

gương mặt người: gương mặt sáng bừng một niềm vui thượng giới. Một chòm râu bạc phơ như tuyết và mái tóc nhỏ mịn, nhẹ nhàng như hơi thở, cũng một màu trắng như tuyết, toả xuống loà xoà rất đẹp trên ngực, trên những nếp gấp chiếc áo tu sĩ bằng da đen, xuống đến tận sợi thừng thắt ngang lưng áo. Nhưng điều làm cho tôi kinh ngạc hơn cả là được nghe từ miệng người nói ra những lời và những ý nghĩ về nghệ thuật mà thú thực tôi muốn sẽ giữ mãi mãi trong trái tim và thành thực mong rằng mỗi bạn đồng nghiệp của tôi cũng sẽ làm như vậy.

“Con ơi, ta đang mong con lại – cha tôi nói, khi tôi lại gần để người ban phước – Con đang đứng trước con đường mà từ nay con sẽ theo cho đến trọn đời. Con đường của con trong sáng, con đừng bỏ nó. Con có tài; tài năng ấy là ân huệ quý giá nhất Chúa ban cho; con đừng làm cho nó mai một đi. Con hãy khai thác, nghiên cứu tất cả những gì con sẽ trông thấy, con hãy bắt mọi vật phục tùng bút vẽ của con, nhưng ở đâu con cũng phải biết tìm thấy cái tư tưởng sâu xa và nhất là phải thấu hiểu được điều gì bí ẩn tối cao của sự sáng tạo. Trong cái nhỏ nhất nhất hay trong cái lớn lao nhất. Ở đâu, người nghệ sĩ sáng tạo cũng vĩ đại. Với người nghệ sĩ đó, cái đáng khinh không còn có gì đáng khinh nữa, vì qua nó, người ta vẫn thấy hiện ra cái tâm hồn cao quý của người sáng tạo, và vì luyện lọc qua tâm hồn, cái đáng khinh đã có được một sắc thái thanh cao. Con người cảm thấy ở nghệ thuật một cái gì gần gũi với thần linh, với thiên đường, và chỉ riêng điều đó thôi cũng đã đủ để đặt nghệ thuật lên trên tất cả. Và cái thanh thản trang nghiêm cao hơn mọi sự bon chen trên thân thể biết bao nhiêu! Sự sáng tạo cao hơn sự huỷ hoại biết mấy! Thiên thần, chỉ riêng với cái tâm hồn phơi phới trong trắng, cũng đã cao hơn biết mấy tất cả những sức mạnh có thừa và những dục vọng đầy kiêu hãnh của quỷ Satan, và biết mấy sự sáng tạo cao thượng của nghệ thuật cao hơn tất cả các thứ khác trên đời! Con hãy hiến dâng tất cả cho nghệ thuật và hãy yêu nghệ thuật một cách tha thiết, không phải cái tha thiết đầy dục vọng trần tục, mà là cái tha thiết êm dịu trong sạch của thượng giới; không có cái tha thiết đó, con người không thể nào vươn cao lên khỏi mặt đất, không thể làm vang lên những

âm thanh huyền diệu an ủi lòng người. Vì sự nghiệp vĩ đại của nghệ thuật xuống trần gian chính là để an ủi và làm dịu lòng người. Nó không gieo vào tâm hồn lời lầm bầm phản kháng mà một lời cầu nguyện nhịp nhàng, vĩnh viễn muốn vươn lên thượng đế. Nhưng đôi khi cũng có những giây phút đen tối...” Tôi ngừng lại, và tôi nhận thấy gương mặt rạng rỡ của người bỗng tối sầm lại như thể có một bóng đen vừa lướt qua.

“Trong đời cha đã xảy ra một việc – cha tôi nói tiếp, – cho đến nay cha vẫn không hiểu được kẻ mà cha đã vẽ chân dung là người thế nào. Dường như đây là một con quỷ hiện thân. Cha biết, người đời không ai thừa nhận là có ma quỷ, vậy cha sẽ không nói đến nó nữa. Cha chỉ nói rằng vẽ nó, cha thấy ghê tởm và không hề thấy một chút nhiệt tâm nào đối với việc mình đang làm. Nhưng cha đã muốn hết sức tự nén mình, lạnh lùng gạt mọi cảm giác, cứ trung thành với thiên nhiên. Đây không phải là một công trình nghệ thuật, cho nên những cảm xúc gây cho mọi người khi nhìn bức tranh là những cảm xúc u ám, lo sợ, không phải là cảm xúc của người nghệ sĩ, bởi vì người nghệ sĩ ngay trong cảnh lo âu cũng vẫn tỏ ra thanh thản. Cha nghe nói bức chân dung ấy chuyển hết tay này sang tay khác và đến đâu cũng gieo rắc lo sợ dấy lên trong con người họa sĩ lòng ghen tỵ, thù hằn ác hại đối với bạn đồng nghiệp, một nỗi khát khao độc ác muốn hãm hại, áp bức người khác. Lạy Đấng tối cao! Xin Người đừng để cho con mắc phải những khát vọng ấy. Không có gì khủng khiếp hơn! Thà bản thân mình hứng lấy chịu đựng mọi sự ngược đãi hà khắc còn hơn là bắt người khác chịu dù chỉ một phần hết sức nhỏ. Hãy cứu lấy cái trong trắng của linh hồn con! Kẻ có tài năng lại càng phải giữ cho tâm hồn trong sạch hơn ai hết. Cái với người khác có thể tha thứ được, thì đối với người có tài lại không thể được dung tha. Người ăn mặc quần áo mới, đẹp đi ra ngoài, chỉ cần bị một giọt bùn bắn vào thôi là mọi người đã xô lại vây quanh chỉ chỗ, chê bai, và cũng vẫn những người ấy, họ không để ý đến có bao nhiêu vết bẩn vậy trên quần áo mặc hàng ngày của những người qua đường khác. Vì trên những quần áo mặc hàng ngày, những vết bẩn nom không rõ lắm.”

Cha tôi ban phước cho tôi và giơ hai tay ôm lấy tôi. Cả đời tôi chưa từng bao giờ có được một cảm xúc thanh cao như lúc ấy. Tôi nép sát vào ngực cha tôi và hôn lên món tóc bạc rủ loà xoà trên vai người, lòng tràn ngập một niềm thành kính, một tình cảm còn nồng nàn hơn cả tình con yêu cha. Một giọt nước mắt long lanh trên mặt người. Đến khi đã sắp chia tay, cha tôi nói: “Con ơi, con hãy hứa làm tròn lời cha dặn sau đây. Có lẽ một ngày kia con sẽ tình cờ gặp ở đâu đấy bức chân dung mà cha vừa kể cho con nghe. Cứ nhìn đôi mắt dị thường và vẻ mặt quái gở của nó là con sẽ nhận ra ngay. Con nhất thiết phải huỷ nó đi cho bằng được.” Chắc các ngài cũng thấy rằng tôi không thể từ chối được. Tôi thề với cha tôi xin sẽ làm tròn ý nguyện của người. Suốt mười lăm năm qua, tôi không hề trông thấy một bức tranh nào dù chỉ giống lấy một phần thôi với những điều cha tôi đã mô tả, nhưng thốt nhiên hôm nay, đến dự buổi bán đấu giá ở đây...

Đang nói dở câu, hoạ sĩ ngược mắt lên tường để nhìn lại bức chân dung một lần nữa. Cùng lúc ấy, cả đám đông đang đứng nghe chuyện cũng đưa mắt về phía đó. Nhưng quái lạ thay, không còn thấy bức chân dung đâu nữa.

Đám đông nhao nhác lên, và trong tiếng ồn ào hỗn độn bỗng nghe rõ mồn một mấy tiếng “Bị đánh cắp mất rồi”. Lừa khi mọi người đang mải mê nghe chuyện có kẻ nào đã nhanh tay tháo bức tranh xuống từ bao giờ. Và một hồi lâu sau, tất cả những người có mặt đều đứng sững ra đấy, ai nấy bản khoăn không biết vừa qua có thật mình đã trông thấy đôi mắt dị thường đấy không, hay đó chỉ là một ảo ảnh thoáng hiện lên trước những đôi mắt đã mệt mỏi vì ngắm quá lâu những bức hoạ cổ.

Văn Hoàng dịch

[1] Tên vị hoàng Ba Tư, đến nước Nga năm 1829, để xin lỗi về vụ ám sát viên sứ thần Nga Griboedov.

[2] Мужик (moujik), những người nông dân dưới thời Đế quốc Nga, thân phận họ giống như nông nô. Từ mu gích về sau đôi khi mang sắc thái tương tự lời sỉ nhục.

[3] — Đẹp quá, Lise, Lise, lại đây! — Trông mê quá! — Khuôn mặt mới xinh làm sao... (Tiếng Pháp trong nguyên văn.)

[4]— Tuyệt vời, tuyệt vời! — Trông mê quá! — Quả là một ý tưởng hay ho! (Tiếng Pháp trong nguyên văn.)

[5] Dung mạo ông ta thấy đều toát lên vẻ phi thường! (Tiếng Pháp trong nguyên văn.)

[6] Hay còn mang tên Scène de genre, là trường phái tranh mô tả những cảnh tượng nhỏ nhặt đời thường, đặc biệt những cảnh gia đình. Văn cảnh ý nói thể loại tranh kém giá trị.

Table of Contents

[Phần I](#)

[Phần II](#)